

CHỦ ĐỀ CUỐI KÌ MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG

<i>Chủ Đề 1: Chủ Đề. Sự Phân Hoá Giai Cấp Trong Xã Hội Việt Nam Cuối Thế Kỉ Xix Đầu Thế Kỉ Xx Dưới Tác Động Của Chính Sách Khai Thác Thuộc Địa Của Thực Dân Pháp (Hd: Giáo Trình, Chương 1, I/1. Bối Cảnh Lịch Sử/ Tính Hình Vntr.15 Đến Tr.17).....</i>	<i>2</i>
<i>Chủ Đề 2: Tình Hình Việt Nam Và Các Phong Trào Yêu Nước Trước Khi Có Đảng</i>	<i>7</i>
<i>Chủ Đề 3. Sự Chuẩn Bị Của Nguyễn Ái Quốc Về Tư Tưởng, Chính Trị Và Tổ Chức Cho Việc Thành Lập Đảng Cộng Sản Việt Nam. (Hd: Giáo Trình, Chương 1, I/2. Nguyễn Ái Quốc Chuẩn Bị Các Điều Kiện Để Thành Lập Đảng, Tr.20 Đến Tr.25)</i>	<i>10</i>
<i>Chủ Đề 4: Nội Dung Cơ Bản Cương Lĩnh Chính Trị Đầu Tiên Của Đảng Cộng Sản Việt Nam (2-1930).....</i>	<i>17</i>
<i>Chủ Đề 5: Luận Cương Chính Trị Tháng 10 Năm 1930 (Hd: Giáo Trình, Chương 1, I/1/Phong Trào Cách Mạng Năm 1930 – 1931 Và Luận Cương Chính Trị (10-1930 Từ Tr. 31 Đến Tr. 35)</i>	<i>20</i>
<i>Chủ Đề 6: Quá Trình Chuyển Hướng Chiến Lược Cách Mạng Của Đảng (1939-1945) Tr42-45.....</i>	<i>24</i>
<i>Chủ Đề 7: Phong Trào Chống Pháp – Nhật, Đẩy Mạnh Chuẩn Bị Lực Lượng Cho Cuộc Khởi Nghĩa Vũ Trang.....</i>	<i>30</i>
<i>Chủ Đề 8 : Tính Chất, Ý Nghĩa Và Kinh Nghiệm Của Cách Mạng Tháng Tám Năm 1945</i>	<i>36</i>
<i>Chủ Đề 9. Hoàn Cảnh Lịch Sử Và Chủ Trương Xây Dựng, Bảo Vệ Chính Quyền Cách Mạng Non Trẻ, Kháng Chiến Chống Thực Dân Pháp Xâm Lược Nam Bộ (1945-1946).(Hd: Giáo Trình, Chương 2, I/1. Xây Dựng Bảo Vệ Chính Quyền Cách Mạng 1945-1946/ Tình Hình Việt Nam Sau Cmt8/1945 Từ Tr. 61 Đến Tr. 65).....</i>	<i>42</i>
<i>Chủ Đề 10: Nội Dung Cơ Bản Đường Lối Kháng Chiến Chống Thực Dân Pháp Của Đảng (1946 - 1947)</i>	<i>47</i>
<i>Chủ Đề 11. Tổ Chức, Chỉ Đạo Cuộc Kháng Chiến Từ Năm 1947 Đến Năm 1950 (Hd: Giáo Trình, Chương 2, I/2/ Tổ Chức, Chỉ Đạo Cuộc Kháng Chiến Từ Năm 1947 Đến Năm 1950, Từ Tr.73 Đến Tr. 77)</i>	<i>50</i>
<i>Chủ Đề 12 Nội dung cơ bản Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam.</i>	<i>56</i>
<i>Câu 13: Xây Dựng Chủ Nghĩa Xã Hội Ở Miền Bắc, Phát Triển Thê Tiến Công Của Cách Mạng Miền Nam 1961-1965.....</i>	<i>61</i>
<i>Chủ Đề 14. Nội Dung Cơ Bản Và Hiệu Quả Của Đường Lối Kháng Chiến Chống Mỹ, Cứu Nước Tại Hội Nghị Lần Thứ 11 (3-1965) Và Hội Nghị Lần Thứ 12 (12-1965) Của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng.</i>	<i>64</i>

Chủ Đề 15: Hoàn Thành Thống Nhất Về Mặt Nhà Nước (Hd: Giáo Trình, Chương 3, I/1. Hoàn Thành Thống Nhất Về Mặt Nhà Nước, Từ Tr.117 Đến Tr.119) 67

Chủ Đề 16. Nội Dung Cơ Bản Và Ý Nghĩa Đường Lối Đổi Mới Của Đảng Cộng Sản Việt Nam Tại Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc Lần Thứ Vĩ (12-1986) (Hd: Giáo Trình, Chương 3, Ii/1/Đổi Mới Toàn Diện, Đưa Đất Nước Ra Khỏi Khủng Hoảng Kinh Tế - Xã Hội/Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc Lần Thứ 6 Và Thực Hiện Đường Lối Đổi Mới Toàn Diện Từ Tr.129 Đến Tr.131) 75

Chủ Đề 17. Cương Lĩnh Xây Dựng Đất Nước Trong Thời Kỳ Quá Độ Đi Lên Cnxx (Đại Hội Vĩ, 1991) 79

Chủ đề 1:CHỦ ĐỀ. Sự phân hoá giai cấp trong xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp (HD: Giáo trình, Chương 1, I/1. Bối cảnh lịch sử/ Tình hình VNtr.15 đến tr.17)

- Bối cảnh lịch sử: Là quốc gia Đông Nam Á nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng của Châu Á, Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của Pháp trong cuộc chạy đua với nhiều nước đế quốc khác. Sau một quá trình điều tra thám sát lâu dài, thâm nhập kiên trì của các giáo sĩ, thương nhân Pháp, ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng và từ đó từng bước thôn tính Việt Nam. Đó là thời điểm chế độ phong kiến Việt Nam (dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn) đã lâm vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Trước hành động xâm lược của Pháp, Triều đình nhà Nguyễn từng bước thỏa hiệp (Hiệp ước 1862, 1874, 1883) và đến ngày 6-6-1884 với Hiệp ước Patonốt đã hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp, Việt Nam trở thành “ một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác”.

- Tình hình kinh tế Việt Nam có sự biến đổi: quan hệ kinh tế nông thôn bị phá vỡ, hình thành nên những đô thị mới, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới. Nhưng thực dân Pháp không du nhập một cách hoàn chỉnh phương thức tư bản chủ nghĩa vào nước ta, mà vẫn duy trì quan hệ kinh tế phong kiến. Chúng kết hợp hai phương thức bóc lột tư bản và phong kiến để thu lợi nhuận siêu ngạch. Chính vì thế, nước Việt Nam không thể phát triển lên chủ nghĩa tư bản một cách bình thường được, nền kinh tế Việt Nam bị kìm hãm trong vòng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Pháp.

- Về chính trị, chúng tiếp tục thi hành chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề. Mọi quyền hành đều thu tóm trong tay các viên quan cai trị người Pháp, từ toàn quyền Đông Dương, thống đốc Nam Kỳ, khâm sứ Trung Kỳ, thống sứ Bắc Kỳ, công sứ các tỉnh, đến các bộ máy quân đội, cảnh sát, tòa án...; biến vua quan Nam triều thành bù nhìn, tay sai. Chúng bóp nghẹt tự do, dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, dìm các cuộc đấu tranh của dân ta trong biển máu. Chúng tiếp tục thi hành chính sách chia để trị rất thâm độc, chia nước ta làm ba kỳ, mỗi kỳ đặt một chế độ cai trị riêng và nhập ba kỳ đó với nước Lào và nước Campuchia để lập ra liên bang Đông Dương thuộc Pháp, xóa tên nước ta trên bản đồ thế giới. Chúng gây chia rẽ và thù hận giữa Bắc, Trung, Nam, giữa các tôn giáo, các dân tộc, các địa phương, thậm chí là giữa các dòng họ; giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

- Về văn hóa, chúng thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đồi phong bại tục. Mọi hoạt động yêu nước của nhân dân ta đều bị cấm đoán. Chúng tìm mọi cách bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề thống trị.

- Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Sự phân hóa giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc hơn:

- Giai cấp địa chủ phong kiến đã tồn tại hơn ngàn năm. Chủ nghĩa tư bản thực dân được đưa vào Việt Nam và trở thành yếu tố bao trùm, song vẫn không xóa bỏ mà vẫn bảo tồn và duy trì giai cấp địa chủ để làm cơ sở cho chế độ thuộc địa. Tuy nhiên, do chính sách kinh tế và chính trị phản động của thực dân Pháp, giai cấp địa chủ càng bị phân hóa thành ba bộ phận khá rõ rệt: tiểu, trung và đại địa chủ. Có một số địa chủ bị phá sản. Vốn sinh ra và lớn lên trong một quốc gia dân tộc có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, lại bị chính sách thống trị tàn bạo về chính trị, chèn ép về kinh tế, nên một bộ phận không nhỏ tiểu và trung địa chủ không chịu nổi nhục mất nước, có mâu thuẫn với đế quốc về quyền lợi dân tộc nên đã tham gia đấu tranh chống thực dân và bọn phản động tay sai.

- Giai cấp nông dân chiếm khoảng 90% dân số. Họ bị đế quốc, phong kiến địa chủ và tư sản áp bức, bóc lột rất nặng nề. Ruộng đất của nông dân đã bị bọn tư bản thực dân chiếm đoạt. Chính sách độc quyền kinh tế, mua rẻ bán đắt, tô cao, thuế nặng, chế độ cho vay nặng lãi... của đế quốc và phong kiến đã đẩy nông dân vào con đường bán cùng hóa không lối thoát. Một số ít bán sức lao động, làm thuê trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền hoặc bị bắt đi làm phu tại các thuộc địa khác của đế quốc Pháp. Còn số đông vẫn phải gắn vào đồng ruộng và gánh chịu sự bóc lột vô cùng nặng nề ngay trên mảnh đất mà trước đây là sở hữu của chính họ.

- Vì bị mất nước và mất ruộng đất nên nông dân có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến, đặc biệt sâu sắc nhất với đế quốc và bọn tay sai phản động. Họ vừa có yêu cầu độc lập dân tộc, lại vừa có yêu cầu ruộng đất, song yêu cầu về độc lập dân tộc là bức thiết nhất. Giai cấp nông dân có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất là lực lượng to lớn nhất, một động lực cách mạng mạnh mẽ. Giai cấp nông dân khi được tổ chức lại và có sự lãnh đạo của một đội tiên phong cách mạng, sẽ phát huy vai trò cực kỳ quan trọng của mình trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

- Giai cấp tư sản hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam mới chỉ là một tầng lớp nhỏ bé. Sau chiến tranh, tư sản Việt Nam đã hình thành giai cấp rõ rệt. Ra đời trong điều kiện bị tư bản Pháp chèn ép, cạnh tranh rất gay gắt, nên số lượng tư sản Việt Nam không nhiều, thế lực kinh tế nhỏ bé, thế lực chính trị yếu đuối.

- Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam phân thành hai bộ phận:

- Tư sản mại bản là những tư sản lớn, hợp tác kinh doanh với đế quốc, bao thầu những công trình xây dựng của chúng ở nước ta. Nhiều tư sản mại bản có đồn điền lớn hoặc có nhiều ruộng đất cho phát canh, thu tô. Vì có quyền lợi kinh tế và chính trị gắn liền với đế quốc thực dân, nên tư sản mại bản là tầng lớp đối lập với dân tộc.

- Tư sản dân tộc là bộ phận đông nhất trong giai cấp tư sản, bao gồm những tư sản loại vừa và nhỏ, thường hoạt động trong các ngành thương nghiệp, công nghiệp và cải tiến thủ công nghiệp. Họ muốn phát triển chủ nghĩa tư bản của dân tộc Việt Nam,

nhưng do chính sách độc quyền và chèn ép của tư bản Pháp nên không thể phát triển được. Xét về mặt quan hệ với đế quốc Pháp, tư sản dân tộc phải chịu số phận mất nước, có mâu thuẫn về quyền lợi với bọn đế quốc thực dân và phong kiến, nên họ có tinh thần chống đế quốc và phong kiến. Giai cấp tư sản dân tộc là một lực lượng cách mạng không thể thiếu trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc.

- Giai cấp tiểu tư sản bao gồm nhiều bộ phận khác nhau: tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, tri thức, học sinh, sinh viên và những người làm nghề tự do. Giữa những bộ phận đó có sự khác nhau về kinh tế và cách sinh hoạt, nhưng nhìn chung, địa vị kinh tế của họ rất bấp bênh, luôn luôn bị đe dọa phá sản thất nghiệp. Họ có tinh thần yêu nước nồng nàn, lại bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột và khinh rẻ nên rất hăng hái cách mạng. Đặc biệt là tầng lớp tri thức là tầng lớp rất nhạy cảm với thời cuộc, dễ tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ và canh tân đất nước tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc. Khi phong trào quần chúng công nông đã thức tỉnh, họ bước vào chiến đấu giải phóng dân tộc ngày một đông đảo và đóng một vai trò quan trọng trong phong trào đấu tranh của quần chúng, nhất là đô thị. Giai cấp tiểu tư sản là một lực lượng cách mạng quan trọng trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

- Giai cấp công nhân là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp và nằm trong những mạch máu kinh tế quan trọng do chúng nắm giữ. Lớp công nhân đầu tiên xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xây dựng một số cơ sở công nghiệp và thành phố phục vụ cho việc xâm lược và bình định của chúng ở nước ta. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của đế quốc Pháp, giai cấp công nhân đã hình thành. Đến cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, giai cấp công nhân đã phát triển nhanh chóng về số lượng, từ 10 vạn (năm 1914) tăng lên hơn 22 vạn (năm 1929), trong đó có hơn 53.000 công nhân mỏ (60% là công nhân mỏ than), và 81.200 công nhân đồn điền.

- Giai cấp công nhân Việt Nam tuy còn non trẻ, số lượng chỉ chiếm khoảng 1% số dân, trình độ học vấn, kỹ thuật thấp, nhưng sống khá tập trung tại các thành phố, các trung tâm công nghiệp và các đồn điền.

- Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế, đồng thời còn có những điểm riêng của mình như: phải chịu ba tầng lớp áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ); phần lớn vừa mới từ nông dân bị bóc lột cùng hóa mà ra, nên có mối quan hệ gần gũi nhiều mặt với nông dân. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, nên nội bộ thuần nhất, không bị phân tán về lực lượng và sức mạnh. Sinh ra và lớn lên ở một đất nước có nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp, nhất là truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, sớm tiếp thu được tinh hoa văn hóa tiên tiến trong trào lưu tư tưởng của thời đại cách mạng vô sản để bồi dưỡng bản chất cách mạng của mình.

- Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội tiên tiến, đại diện cho phương thức sản xuất mới, tiên bộ, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tinh thần cách mạng triệt để, lại mang bản chất quốc tế. Họ là một động lực cách mạng mạnh mẽ và khi liên minh được với giai cấp nông dân và tiểu tư sản sẽ trở thành cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do. Khi được tổ chức lại và hình thành được một đảng tiên phong cách mạng được vũ trang bằng một học thuyết cách mạng triệt để là chủ nghĩa Mác - Lênin thì giai cấp công nhân trở thành người lãnh đạo cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

- Tóm lại, chính sách thống trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam và cả Đông Dương nói chung là một chính sách thống trị chuyên chế về chính trị, bóc lột nặng nề về kinh tế nhằm đem lại lợi nhuận tối đa về kinh tế, kìm hãm và nô dịch về văn hóa, giáo dục, chứ không phải đem đến cho nhân dân một sự "khai hoá văn minh" - một sự khai hoá và cải tạo thực sự theo kiểu phương Tây. Bản chất của "sứ mạng khai hoá" đó chính là sự khai thác thuộc địa diễn ra dưới lưỡi lê, họng súng, máy chém, v.v.. Hồ Chí Minh từng nói về "nhà khai hoá" như sau: "Khi người ta đã là một nhà khai hoá thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất. Và nếu dân bản xứ không chịu nhục được, phải vùng lên, thì các nhà khai hoá "điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đây! Công cuộc khai hoá nhân từ là như thế đấy!"

Chủ đề 2: Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

Hoàn cảnh lịch sử: ngay từ khi pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân pháp với tinh thần quật cường bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam, đã diễn ra liên tục, rộng khắp .

Năm 1884, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đầu hàng, nhưng một bộ phận phong kiến yêu nước đã cùng nhân dân yêu nước tiếp tục đấu tranh chống Pháp.

Đó là phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và tôn thất thuyết khởi xướng (1885-1896). Hưởng ứng kêu gọi Cần Vương cứu nước, cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê(Hà Tĩnh)... thể hiện sôi nổi và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của tầng lớp nhân dân. Nhưng ngọn cờ phong kiến lúc đó không còn là ngọn cờ tiêu biểu để tập hợp một cách rộng rãi , toàn thể các tầng lớp nhân dân, không có khả năng liên kết các trung tâm kháng Pháp trên toàn quốc nữa. Kết quả cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng thất bại (1896) cũng là lúc chấm dứt vai trò lãnh đạo của phong kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, ở vùng núi và trung du phía bắc, phong trào nông dân Yên Thế dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám, nghĩa quân xây dựng lực lượng chiến đấu, lập căn cứ và đấu tranh kiên cường chống Pháp. Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng “cốt cách phong kiến “ không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cách mạng giải phóng dân tộc. kết quả là cũng bị thực dân Pháp đàn ép.

Từ những năm đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước chịu ảnh hưởng, tác động trào lưu dân chủ tư sản. Tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh và sau đó là phong trào tiểu tư sản trí thức của tổ chức Việt Nam Quốc Dân Đảng đã tiếp tục diện rộng ra khắp bắc kì nhưng tất cả đều không thành công.

Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo: Với chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản, phong trào theo xu hướng này tổ chức đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang

Nhật Bản học tập (gọi là phong trào “Đông Du”). Đến năm 1908, Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam và những người đứng đầu. Sau khi phong trào Đông Du thất bại, với sự ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (1911) Trung Quốc, năm 1912 Phan Bội Châu lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội với tôn chỉ là vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam. Nhưng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội lại thiếu rõ ràng. Cuối năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam tại Trung Quốc cho tới đầu năm 1917 và sau này bị quản chế tại Huế cho đến khi ông mất (1940). Ảnh hưởng xu hướng bạo động của tổ chức Việt Nam Quang phục hội đối với phong trào yêu nước Việt Nam đến đây chấm dứt. Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng muốn giành độc lập cho dân tộc nhưng không đi theo con đường bạo động như Phan Bội Châu, mà chủ trương cải cách đất nước.

Phan Châu Trinh cho rằng "bất bạo động, bạo động tắc tử"; phải “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Để thực hiện được chủ trương ấy, Phan Châu Trinh đã đề nghị Nhà nước “bảo hộ” Pháp tiến hành cải cách. Đó chính là sự hạn chế trong xu hướng cải cách để cứu nước, vì Phan Châu Trinh đã “đặt vào lòng độ lượng của Pháp cái hy vọng cải tử hoàn sinh cho nước Nam,... Cụ không rõ bản chất của đế quốc thực dân”. Do vậy, khi phong trào Duy Tân lan rộng khắp cả Trung Kỳ và Nam Kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ (1908), thực dân Pháp đã không rõ bản chất của đế quốc thực dân”.

Do vậy, khi phong trào Duy Tân lan rộng khắp cả Trung Kỳ và Nam Kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ (1908), thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn... Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ bị thực dân Pháp dập tắt, cùng với sự kiện tháng 12-1907 thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục phản ánh thúc xu hướng cải cách trong phong trào cứu nước của Việt Nam.

Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng: Khi thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thứ hai, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay gắt, các giai cấp, tầng lớp mới trong xã hội Việt Nam đều bước lên vũ đài chính trị. Trong đó, hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc Kỳ là tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản trí thức, Việt Nam Quốc dân đảng được chính thức thành lập tháng 12-1927 tại Bắc Kỳ. Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang nhưng theo lối manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên.... Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một số tỉnh, chủ yếu và mạnh nhất là ở Yên Bái (2-1930) tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng bị thất bại. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng đã thể hiện là "...một cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo dè rồi chết luôn không bao giờ ngóc đầu lên nổi. Khẩu hiệu "không thành công thì thành nhân" biểu lộ tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản".

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến, ngọn cờ dân chủ tư sản của nhân dân Việt Nam đã diễn ra quyết liệt, liên tục và rộng khắp. Dù với nhiều cách thức tiến hành khác nhau, song đều hướng tới mục tiêu giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, "các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại.

Nguyên nhân thất bại của các phong trào đó là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh. thích hợp để đánh đổ kẻ thù.

Kết luận: Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cho đến những năm 20 của thế kỷ XX đều thất bại, nhưng đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu

nước, nhất là lớp thanh niên trí thức tiên tiến chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại. Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

3. CHỦ ĐỀ. *Sự chuẩn bị của Nguyễn Ái Quốc về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. (HD: Giáo trình, Chương 1, I/2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng, tr.20 đến tr.25)*

1. Nội dung:

- Tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn
- Sự chuẩn bị của Nguyễn Ái Quốc về tư tưởng, chính trị, tổ chức trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
- Ý nghĩa của việc chuẩn bị...

Bài làm

Trước yêu cầu cấp thiết bị giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, với nhiệt huyết cứu nước, với nhãn quan sắc bén, vượt lên trên hạn chế các bậc yêu nước đương thời, năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định đi tìm nước cứu. giải phóng dân tộc. Qua trải nghiệm thực tế qua nhiều nước, Người nhận thức được rằng một cách rạch ròi:” dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”, từ đó xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ tới nhận thức của Nguyễn Tất Thành-đây là cuộc “ cách mạng đến nơi”. Người từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động chính trị hướng về tìm hiểu con đường Cách mạng Tháng Mười Nga , về V.I.Lênin.

Đầu năm 1919 , Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp , một chính đảng tiên bộ nhất lúc đó ở Pháp . Tháng 6-1919 , tại Hội nghị của các nước thắng trận

trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp ở Versailles , (Vécxây , Pháp) , Tổng thống Mỹ Wooderow Wilson (Uynxon) tuyên bố bảo đảm về quyền dân tộc tự quyết cho các nước thuộc địa . Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người An Nam yêu nước ở Pháp gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam (gồm tám điểm đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam) ngày 18-6-1919. Nhóm người Việt Nam tiêu biểu cho tinh thần yêu nước ở Pháp , gồm : Phan Chu Trinh , Nguyễn An Ninh , Phan Văn Trường , Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Ái Quốc . Những yêu sách đó dù không được Hội nghị đáp ứng , nhưng sự kiện này đã tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế và Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn bản chất của đế quốc , thực dân .

Tháng 7-1920 , Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin đăng trên báo L'Humanité (Nhân đạo) , số ra ngày 16 và 17-7-1920 . Những luận điểm của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước , giải phóng dân tộc . Lý luận của VILênin và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc xác định thái độ ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12 1920) tại thành phố Tua (Tour) . Tại Đại hội này , Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản do VILênin thành lập) .

Ngay sau đó , Nguyễn Ái Quốc cùng với những người vừa bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản - tức là Đảng Cộng sản Pháp . Với sự kiện này , Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam , đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc . Trong những năm 1919-1921 Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp Albert Sarraut (An be xa rô) nhiều lần gặp Nguyễn Ái Quốc mua chuộc và đe dọa . Ngày 30-6-1923 , Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và làm việc tại Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova , tham gia nhiều hoạt động , đặc biệt là dự và đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (17-6 - 8-7-1924) , làm việc trực tiếp ở Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Sau khi xác định được con đường cách mạng đúng đắn , Nguyễn Ái Quốc tiếp tục . khảo sát , tìm hiểu để hoàn thiện nhận thức về đường lối cách mạng vô sản , đồng thời tiết cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam .

Chuẩn bị về tư tưởng , chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng

Về tư tưởng : Từ giữa năm 1921 , tại Pháp , cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác , Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa , sau đó sáng lập tờ báo Le Paria (Người cùng khổ) . Người viết nhiều bài trên các báo Nhân đạo , Đời sống công nhân , Tạp chí Cộng sản , Tập san Thư tín quốc tế ,...

Năm 1922 , Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập , Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương . Vừa nghiên cứu lý luận , vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế , dưới nhiều phương thức phong phú , Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo , lên án bản chất áp bức , bóc lột , nô dịch của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi , thức tỉnh nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng . Người chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân , xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa , của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới . Đồng thời , Người tiến hành tuyên truyền tư tưởng về con đường cách mạng vô sản , con đường cách mạng theo lý luận Mác - Lênin , xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc .

Năm 1927 , Nguyễn Ái Quốc khẳng định : “ Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt , trong đảng ai cũng phải hiểu , ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy ” . Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn , tàu không có bàn chỉ nam . Phải truyền bá tư tưởng vô sản , lý luận Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam .

Về chính trị . Xuất phát từ thực tiễn cách mạng thế giới và đặc điểm của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc , Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa , kế thừa và phát triển quan điểm của V.I.Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc . Người khẳng định rằng , con đường cách

mạng của các dân tộc bị áp bức là giải phóng giai cấp , giải phóng dân tộc ; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản . Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc tự do , hạnh phúc cho đồng bào , hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân .

Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau , hỗ trợ cho nhau , nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở “ chính quốc ” mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở “ chính quốc ” , góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở “ chính quốc ” .

Đối với các dân tộc thuộc địa , Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ : trong nước nông nghiệp lạc hậu , nông dân là lực lượng đông đảo nhất , bị đế quốc , phong kiến áp bức , bóc lột nặng nề , vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân , phải xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cách mạng : “ công nông là gốc của cách mệnh ; còn học trò nhà buôn nhỏ , điền chủ nhỏ ... là bầu bạn cách mệnh của công nông ” . Do vậy , Người xác định rằng , cách mạng “ là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người ” .

Về vấn đề Đảng Cộng sản , Nguyễn Ái Quốc khẳng định : “ Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh , để trong thì vận động và tổ chức dân chúng , ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi . Đảng có vững cách mệnh mới thành công , cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy .

Phong trào “ Vô sản hóa ” do Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên phát động từ ngày 29-9-1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản , rèn luyện cán bộ và xây dựng phát triển tổ chức của công nhân .

Về tổ chức . Sau khi lựa chọn con đường cứu nước - con đường cách mạng vô sản cho dân tộc Việt Nam , Nguyễn Ái Quốc thực hiện “ lộ trình ” “ đi vào quần chúng , thức tỉnh họ , tổ chức họ , đoàn kết họ , đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập ” . Vì vậy , sau một thời gian hoạt động ở Liên Xô để tìm hiểu , khảo sát thực tế về cách mạng vô sản , tháng 11 - 1924 , Người đến Quảng Châu (Trung Quốc) -nơi có đông người

Việt Nam yêu nước hoạt động - để xúc tiến các công việc tổ chức thành lập đảng cộng sản . Tháng 2-1925 , Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã , lập ra nhóm Cộng sản đoàn .

Tháng 6-1925 , Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) , nòng cốt là Cộng sản đoàn . Hội đã công bố chương trình , điều lệ của Hội , mục đích : để làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản) . Hệ thống tổ chức của Hội gồm 5 cấp : trung ương bộ , kỳ bộ , tỉnh bộ hay thành bộ , huyện bộ và chi bộ . Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội . Trụ sở đặt tại Quảng Châu .

Hội đã xuất bản tờ báo Thanh niên (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo) , tuyên truyền tôn chỉ , mục đích của Hội , truyền truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam . Báo in bằng tiếng Việt và ra hằng tuần , mỗi số in khoảng 100 bản . Ngày 21-6-1925 ra số đầu tiên , đến tháng 4-1927 , báo do Nguyễn Ái Quốc phụ trách và ra được 88 số . Sau khi Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu (4-1927) đi Liên Xô , những đồng chí khác trong Tổng bộ vẫn tiếp tục việc xuất bản và hoạt động cho đến tháng 2-1930 với 202 số (từ số 89 trở đi , trụ sở báo chuyển về Thượng Hải) . Một số lượng lớn báo Thanh niên được bí mật đưa về nước và tới các trung tâm phong trào yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài . Báo Thanh niên đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam .

Sau khi thành lập , Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách , phái người về nước vận động , lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo , bồi dưỡng về lý luận chính trị . Từ giữa năm 1925 đến tháng 4-1927 , Hội đã tổ chức được trên 10 lớp huấn luyện tại nhà số 13 và 13 B đường Văn Minh , Quảng Châu (nay là nhà số 248 và 250) . Sau khi được đào tạo , các hội viên được cử về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản . Trong số học viên được đào tạo ở Quảng Châu , có nhiều đồng chí được cử đi học trường Đại học Cộng sản phương Đông (Liên Xô) và trường Quân chính Hoàng Phố (Trung Quốc) .

Sau sự biến chính trị ở Quảng Châu (4-1927) , Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova và sau đó được Quốc tế Cộng sản cử đi công tác ở nhiều nước Châu Âu . Năm 1928 , Người trở về Châu Á và hoạt động ở Xiêm (tức Thái Lan) .

Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo , bồi dưỡng cho những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu , được Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản thành cuốn Đường Cách mệnh . Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam , trong đó tầm quan trọng của lý luận cách mạng được đặt ở vị trí hàng đầu đối với cuộc vận động cách mạng và đối với đảng cách mạng tiên phong . Đường Cách mệnh xác định rõ con đường , mục tiêu , lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng . Tác phẩm thể hiện tư tưởng nổi bật của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dựa trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào đặc điểm của Việt Nam . Những điều kiện về tư tưởng , lý luận chính trị và tổ chức để thành lập Đảng đã được thể hiện rõ trong tác phẩm .

Ở trong nước , từ đầu năm 1926 , Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước , đến đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập . Hội còn chủ trọng xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan) . Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản , nhưng chương trình hành động đã thể hiện quan điểm , lập trường của giai cấp công nhân , là tổ chức tiền thân dẫn tới ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam . Hội là tổ chức trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam . Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân , phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928-1929 theo xu hướng cách mạng vô sản . Đó là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ý nghĩa của việc chuẩn bị của Nguyễn Ái Quốc về tư tưởng , chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam: Từ khi trở thành người cộng sản, cùng với việc thực hiện nhiệm vụ đối với phong trào Cộng sản quốc tế, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ việc nghiên cứu lý luận giải phóng dân tộc theo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác-Lênin để truyền bá vào phong trào công nhân và phong trào yêu

nước Việt Nam, từng bước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập một chính đảng cộng sản ở Việt Nam. Người nhấn mạnh: Cách mạng muốn thành công phải có đảng cách mạng chân chính lãnh đạo; Đảng phải có hệ tư tưởng tiên tiến, cách mạng và khoa học dẫn đường, đó là hệ tư tưởng Mác-Lênin.

Về tư tưởng, Người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam nhằm làm chuyển biến nhận thức của quần chúng, đặc biệt là giai cấp công nhân, làm cho hệ tư tưởng Mác - Lênin từng bước chiếm ưu thế trong đời sống xã hội, làm chuyển biến mạnh mẽ phong trào yêu nước theo lập trường của giai cấp công nhân. Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam không phải bằng các tác phẩm kinh điển, những cuốn sách lý luận đồ sộ mà bằng các tác phẩm ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với trình độ quần chúng. Những bài viết (sách, báo..), bài giảng (tác phẩm Đường cách mệnh) với lời văn giản dị, nội dung thiết thực, phương pháp phù hợp đã nhanh chóng được truyền thụ đến quần chúng. Người đã vạch trần bản chất xấu xa, tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân thuộc địa, nhân dân Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, thức tỉnh tinh thần dân tộc nhằm đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

Về chính trị, Nguyễn Ái Quốc phác thảo hệ thống những vấn đề cơ bản về đường lối cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam và sau này phát triển thành những nội dung cơ bản trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Từ thực tiễn lịch sử phong trào cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc chỉ ra con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới; cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản ở các nước thuộc địa; lực lượng chủ yếu của cách mạng là công nhân và nông dân - “gốc cách mệnh”, còn “học trò, nhà buôn, điền chủ nhỏ” là bầu bạn của cách mệnh; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, vì vậy phải tập hợp, giác ngộ và từng bước tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao; cách mạng muốn thành công, trước hết phải có một đảng cách mạng nắm vai trò lãnh đạo..

Cùng với việc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, Nguyễn Ái Quốc còn dày công chuẩn bị về mặt tổ chức để huấn luyện, đào tạo cán bộ, từ các lớp huấn luyện do Người tiến hành ở Quảng Châu (Trung Quốc) tiến tới thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh

niên (6.1925). Đây là một tổ chức tiền thân có tính chất quá độ, vừa tầm, thích hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam bấy giờ. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên giúp cho những người Việt Nam yêu nước xuất thân từ các thành phần, tầng lớp dễ tiếp thu tư tưởng cách mạng của Người, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ phong trào công nhân và yêu nước theo khuynh hướng vô sản. Việc thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên phản ánh tư duy sáng tạo và là thành công của Nguyễn Ái Quốc trong chuẩn bị về mặt tổ chức cho Đảng ra đời.

Chủ đề 4: Nội dung cơ bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930)

****Hoàn cảnh ra đời:***

Đến cuối năm 1929, những người cách mạng Việt Nam trong các tổ chức cộng sản đã nhận thức được sự cần thiết và cấp bách phải thành lập một đảng cộng sản thống nhất, chấm dứt sự chia rẽ trong phong trào cộng sản ở Việt Nam.

Ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản gửi những người Cộng sản Đông Dương tài liệu Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương, yêu cầu những người cộng sản Đông Dương phải khắc phục ngay sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản và thành lập một đảng của giai cấp vô sản.

Nhận được tin về sự chia rẽ của những người cộng sản ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm đến Trung Quốc. Người chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng, tại Hương Cảng, Trung Quốc.

Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt Đảng, Chương trình tóm tắt Đảng và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện này đã hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

****Nội dung cơ bản:***

Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”

Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng:

- Về chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông.

- Về kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật này làm 8 giờ.

- Về văn hóa - xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền, v.v.; phổ thông giáo dục theo công nông hóa

- Về lực lượng cách mạng: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng, đánh đổ bọn đại địa chủ và phong kiến; phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư sản quốc gia; phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ.

- Về lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng; trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào con đường thỏa hiệp.

- Về quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

****Ý nghĩa ra đời của cương lĩnh***

Ý nghĩa Cương lĩnh:

- Cương lĩnh đã phản ánh đầy đủ những quy luật vận động, phát triển nội tại, khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu cơ bản và cấp bách của nhân dân ta, đồng thời phù hợp với xu thế phát triển của thời đại lịch sử mới, là cơ sở cho các đường lối của cách mạng Việt Nam sau này.
- Thể hiện sự nhận thức, vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, chứng tỏ ngay từ đầu Đảng đã độc lập, sáng tạo.

Ý nghĩa sự ra đời của Đảng

- Đảng ra đời đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng nước ta, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước trong những năm đầu thế kỷ XX, đồng thời khẳng định vị trí lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt Nam.
- Đảng ra đời là kết quả tất yếu, khách quan, phù hợp với xu thế thời đại.
- Đảng ra đời là một sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam.
- Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã có cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam

*Liên hệ vận dụng

Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã khẳng định sự đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Đi theo Cương lĩnh ấy, trong suốt những năm qua dân tộc Việt Nam đã thay đổi cả vận mệnh của dân tộc, thay đổi cả thân phận của người dân và từng bước khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thực hiện đường lối chiến lược được hoạch định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Việt Nam từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

Câu 5: CHỦ ĐỀ: Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 (HD: Giáo trình, Chương 1, II/1/Phong trào cách mạng năm 1930 – 1931 và Luận cương chính trị (10-1930 từ tr. 31 đến tr. 35)

I: Hoàn cảnh lịch sử giai đoạn 1930-1931

Trong thời gian 1930-1931, khi Liên Xô đang đạt được những thành quả quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa diễn ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trên quy mô lớn với những hậu quả nặng nề, làm cho những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ảnh hưởng lớn đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn, ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, đồng thời tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái(2-1930). Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng phát triển gay gắt.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam đã "lãnh đạo ngay một cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp".

Từ tháng 1 đến tháng 4-1930, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè(Sài gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy,...Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh,...Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và nhiều địa phương.

Từ tháng 5-1930, phong trào phát triển thành cao trào. Ngày 1-5-1930, nhân dân Việt Nam kỉ niệm Ngày Quốc tế Lao động với những hình thức đấu tranh phong phú. Riêng trong tháng 5-1930 đã nổ ra 16 cuộc bãi công của công nhân, 34 cuộc biểu tình của nông dân và 4 cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân thành thị. Từ tháng 6 đến tháng 8-1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của công nhân khu

công nghiệp Bến Thủy-Vinh (8-1930), đánh dấu " một thời kì mới, thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến"

Ở vùng nông thôn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Tháng 9-1930, Phong trào cách mạng phát triển đến đỉnh cao với những hình thức đấu tranh ngày càng quyết liệt. Cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên, ngày 12-9-1930, bị máy bay Pháp ném bom giết chết 171 người. Như lửa đổ thêm dầu, phong trào cách mạng bùng lên dữ dội.

Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chức đảng lãnh đạo ban chấp hành nông hội ở thôn, xã đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn, thực hiện chuyên chính cách mạng dưới hình thức các ủy ban tước quyền quản theo kiểu Xô viết.

Tháng 9-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi thông tri cho Xứ ủy Trung Kỳ vạch rõ chủ trương bạo động riêng lẻ trong vài địa phương lúc đó là quá sớm vì chưa đủ điều kiện. Trách nhiệm của Đảng là phải tổ chức quần chúng chống khủng bố, giữ vững lực lượng cách mạng, "duy trì kiên cố ảnh hưởng của Đảng, của Xô viết trong quần chúng, để đến khi thất bại thì ý nghĩa Xô viết ăn sâu vào trong óc quần chúng và lực lượng của Đảng và Nông hội vẫn duy trì"

Khi chính quyền Xô viết ra đời và là đỉnh cao của phong trào cách mạng. Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung mọi lực lượng đàn áp khốc liệt, kết hợp thủ đoạn bạo lực với những thủ đoạn chính trị như cưỡng bức dân cày ra đầu thú, tổ chức rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận,... Đầu năm 1931, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Tháng 4-1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt, không còn lại một ủy viên nào. " Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết".

Mặc dù bị tổn thất nặng nề, nhưng phong trào cách mạng 1930-1931 có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, đã khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta, ở chỗ nó đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc và giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng vĩ đại của mình

Phong trào cách mạng đã rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước. Đặc biệt, "Xô viết Nghệ An bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau".

Cao trào cũng để lại cho Đảng những kinh nghiệm quý báu " về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của nông dân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang"

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10-1930

Từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930, Ban chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng tức Hồng Kông(Trung Quốc), quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

II: Nội dung cơ bản Luận cương tháng 10-1930

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương có các nội dung chính:

Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ, một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, “có tính chất thổ địa và phản đế”. Sau đó sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kì tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải tranh đấu để đánh đổ các du tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để” và “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau:”... có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa

được thắng lợi, mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”. Luận cương nhấn mạnh: “vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

Giai cấp vô sản và nông dân là hai động chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh.

Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “vũ trang bạo động”. Đến lúc có tình thế cách mạng, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch nhân và giành lấy chính quyền cho công nông”. Vũ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng. Về cơ bản thống nhất với nội dung của chính cương, sách lược vắn tắt của Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930. Tuy nhiên, Luận cương đã không nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất; không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai. Nguyên nhân của những hạn chế đó là do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản trong thời gian đó. Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất, cũng như trong việc học tập hợp lực lượng cách mạng còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

Sau hội nghị Trung ương tháng 10-1930, Đảng đã có chủ trương mới. Ngày 18-11-1930 Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị về vấn đề thành lập “Hội phản đế Đông

minh”, là tổ chức mặt trận đầu tiên để tập hợp đoàn kết các giai cấp tầng lớp dân tộc, khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Liên hệ, vận dụng

Chủ đề 6: Quá trình chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng (1939-1945)
tr42-45

- Tình hình trong nước:
 - Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến rất phản động: thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, tập trung lực lượng đánh vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” tăng cường vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh, bắt lính sang Pháp làm bia đỡ đạn.
 - Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm cộng sản, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người.
 - Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến rất tàn bạo, thủ tiêu quyền tự do, dân chủ giành được trong thời kỳ 1936-1939...
 - Lợi dụng sự thất thủ của Pháp ở Đông Dương, tháng 9-1940 Nhật Bản cho quân xâm lược Đông Dương, Pháp nhanh chóng đầu hàng và dâng Đông Dương cho Nhật. Chịu cảnh “một cổ hai tròng” đời sống của nhân dân Việt Nam lâm vào cảnh ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Pháp, Nhật và tay sai phản động ngày càng trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.
 - Nhật và tay sai ra sức tuyên truyền, lừa bịp về văn minh và sức mạnh Nhật Bản.
 - Chính sách vơ vét, bóc lột Pháp – Nhật đã đẩy nhân dân ta vào tình cảnh cùng cực. Hậu quả là cuối năm 1944 đến đầu năm 1945 có gần 2 triệu đồng bào ta chết đói.
- Tình hình thế giới:
 - Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Đaladiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận Nhân dân Pháp tan vỡ.

- Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ của Thủ tướng Pétain (Pétain) ký văn bản đầu hàng Đức. Tướng Đờ Gôn (Charles De Gaulle) ra nước ngoài để xây dựng lực lượng kháng chiến chống Đức. Sau khi chiếm một loạt nước châu Âu, tháng 6-1941 Đức tiến công Liên Xô.
- Tháng 9-1940, quân phiệt Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và cầu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”.
- Từ giữa năm 1941, tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến chuyển. Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Quân phiệt Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền.
- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến về phía Berlin (Đức), ở Tây Âu, Anh-Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp (2-1945) rồi tiến về phía Tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng, chính phủ Đờ Gôn về Paris.

Trong lúc này, quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng

- Nội dung chuyển hướng chiến lược của Đảng:

Trước những chuyển biến của tình hình, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương liên tiếp mở các hội nghị để hoạch định chủ trương, nhiệm vụ, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đặt “nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu”. Chủ trương này của Đảng tập trung ở cả 3 hội nghị lần thứ sáu, lần thứ bảy và lần thứ tám của Ban chấp hành Trung ương:

Hội nghị trung ương Đảng lần 6 (tháng 11/1939):

- “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng và cả vấn đề điền địa nhằm đó mà giải quyết”.

- Nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ đế quốc và tay sai, làm cho Đông Dương độc lập.
- Chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội; chống tô cao, lãi nặng; thay khẩu hiệu “Chính quyền công nông” bằng khẩu hiệu “Chính phủ dân chủ cộng hòa”.
- Hội nghị quyết định thay đổi hình thức và phương pháp đấu tranh cho phù hợp: Từ đấu tranh đòi dân sinh dân chủ đến đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc, tay sai, từ hoạt động hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang.
- Đảng chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đảng lần thứ VI đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng.
- Đảng Cộng sản Đông Dương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, giai cấp và dân tộc Đông Dương trong cùng một Mặt trận dân tộc thống nhất, mở đường đi tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Hội nghị trung ương Đảng lần 7 (tháng 11/1940):

- Khẳng định chủ trương của hội nghị trung ương Đảng lần 6 là hoàn toàn đúng đắn.
- Hội nghị xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương là phát xít Pháp – Nhật.
- “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau”.
- Khẩu hiệu: Mặc dù lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế - cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết thực hơn song nếu không làm được thì cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công.

- Hội nghị trung ương Đảng còn trăn trở, chưa dứt khoát chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Hội nghị trung ương Đảng lần 8 (tháng 5/1941):

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và làm việc ở Cao Bằng. Tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng. “Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập Mặt trận Việt Minh, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất”.

Trung ương bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Hội nghị Trung ương nêu rõ những nội dung quan trọng:

Thứ nhất, hết sức nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp-Nhật, bởi vì dưới hai tầng áp bức Nhật-Pháp, “quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”.

Thứ hai, khẳng định dứt khoát chủ trương “phải thay đổi chiến lược” và giải thích: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức. Hội nghị chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp-Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ “tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý”. “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”. Từ quan điểm đó, Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, “không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”. Trong việc xây dựng các đoàn thể cứu quốc, “điều cốt yếu không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”.

Thứ năm, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ, một hình thức nhà nước “của chung cả toàn thể dân tộc”. Hội nghị chỉ rõ, “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xô viết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa”.

Thứ sáu, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân; “phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”. Trong những hoàn cảnh nhất định thì “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”. Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11-1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng

dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

Đảng đã đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu để giải quyết cấp bách mâu thuẫn chủ yếu lúc này giữa dân tộc ta với đế quốc, phát xít Pháp – Nhật; xác định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang được coi là nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn hiện tại; xác định phương châm và hình thái khởi nghĩa ở nước ta: “ Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương giành thắng lợi mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”.

- Ý nghĩa của quá trình chuyển hướng của Đảng:
 - Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo BCH Trung ương Đảng đã giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.
 - Đường lối đúng đắn gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc đã dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Chủ trương đúng đắn của Hội nghị thực sự là kim chỉ nam đối với hoạt động của Đảng cho tới thắng lợi cuối cùng năm 1945.
 - Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh tuyên bố ra đời. Chương trình cứu nước của Việt Minh gồm 44 điều cụ thể để thực hiện 2 điều cơ bản là làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dân Việt Nam được sung sướng, tự do. Thông qua Mặt trận Việt Minh, Đảng mở rộng các tổ chức quần chúng và lãnh đạo phong trào đấu tranh của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Phong trào Việt Minh phát triển mạnh nhất ở Bắc Kỳ sau đó lan rộng tới Trung kỳ và Nam kỳ.
 - Chuẩn bị về lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng: Sau khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940), đội du kích Bắc Sơn được duy trì và đổi tên thành Cứu Quốc quân. Ngày 22-12-1944 Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ở Nguyên Bình (Cao Bằng) do đồng chí Võ Nguyên Giáp lãnh đạo. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân phát triển mau chóng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vũ trang,

xây dựng cơ sở cách mạng, thúc đẩy và cổ vũ phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước.

- Đảng và Hồ Chí Minh chỉ đạo việc thành lập các chiến khu và căn cứ địa cách mạng, tiêu biểu là căn cứ Bắc Sơn-Vũ Nhai và căn cứ Cao Bằng
- Năm 1943, Đảng công bố Đề cương Văn hóa Việt Nam - khẳng định Văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng do Đảng lãnh đạo, tiến tới xây dựng nền văn hóa mang 3 tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng.
- Song song với việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Pháp - Nhật. Đảng đã dày công chuẩn bị lực lượng trên cả ba phương diện lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng, văn hóa tư tưởng để tiến tới giải phóng dân tộc khi thời cơ đến.
- Liên hệ, vận dụng:

Bài học kinh nghiệm được rút ra từ sự chuyển hướng chiến lược của Đảng năm 1939 - 1945 vẫn luôn có giá trị trong chủ trương, chính sách, đường lối của đất nước ta ngày nay. Đây luôn là kim chỉ nam sáng ngời đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam đặc biệt là trong tình hình dịch covid phức tạp và đầy biến động như hiện nay.

CHỦ ĐỀ 7: Phong trào chống Pháp – Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

1: Hoàn cảnh lịch sử:

-Trong nước:

+Ngày 27-9-1940, nhân khi, quân Pháp ở Lạng Sơn bị Nhật tiến đánh phải rút chạy qua đường Bắc Sơn-Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Khởi nghĩa Bắc Sơn là bước phát triển của đấu tranh vũ trang vì mục tiêu giành độc lập.

+ Ở Nam Kỳ, phong trào cách mạng của quần chúng lan rộng ở nhiều nơi. cuộc khởi nghĩa Nam kỳ đã nổ ra đêm ngày 23-11-1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bót và tiến công nhiều quận lỵ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở một số

địa phương và ban bố các quyền tự do dân chủ, mở các phiên tòa để xét xử phản cách mạng... Cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp đàn áp khốc liệt, làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề, phong trào cách mạng Nam Kỳ gặp khó khăn trong nhiều năm sau.

+ Ngày 13-1-1941, một cuộc binh biến nổ ra ở đồn Chợ Rạng (huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) do Đội Cung chỉ huy, nhưng cũng bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng bị dập tắt.

=> Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là “những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”

+ 6-6-1941, Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”

+ Pháp-Nhật ngày càng tăng cường đàn áp cách mạng Việt Nam.

- Ngày 26-8-1941, thực dân Pháp xử bắn Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai tại Hóc Môn, Gia Định.

- 6-9-1942 Lê Hồng Phong hy sinh trong nhà tù Côn Đảo

- 8-1942, Nguyễn Ái Quốc bị quân Trung Hoa dân quốc bắt giữ hơn một năm.

+ Ngày 25-10-1941, Việt Minh công bố Tuyên ngôn, nêu rõ: “Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời”.

+ Tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La đề ra những biện pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào quần chúng rộng rãi và đều khắp nhằm chuẩn bị điều kiện cho cuộc khởi nghĩa trong tương lai có thể nổ ra ở những trung tâm đầu não của quân thù.

+ Đảng và Việt Minh cho xuất bản nhiều tờ báo: Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam độc lập, Bãi Sậy, Đuổi giặc nước, Tiền phong, Kèn gọi lính, Quân giải phóng, Kháng địch, Độc lập, v.v...

+ Năm 1943, Đảng công bố bản Đề cương về văn hóa Việt Nam, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, xây dựng theo 3 nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.

+ 6-1944 Đảng vận động và giúp đỡ một số sinh viên, trí thức yêu nước thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam

=> Việt Minh là mặt trận đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, là nơi tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị rộng lớn, một lực lượng cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong tổng khởi nghĩa giành chính quyền sau này

+ Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đội du kích Bắc Sơn được duy trì và phát triển thành Cứu quốc quân.

+ Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập một đội vũ trang ở Cao Bằng để thúc đẩy phát triển cơ sở chính trị và chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang.

+ Tháng 12- 1941, Trung ương ra thông cáo Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng, chỉ rõ các đảng bộ địa phương cần phải vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu, chống cướp đoạt tài sản của nhân dân, đòi tăng lương, bớt giờ làm cho công nhân

+ Ở Bắc Sơn-Võ Nhai, Cứu quốc quân tiến hành tuyên truyền vũ trang, gây cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ ra nhiều huyện thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên... Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị Sửa soạn khởi nghĩa. Không khí chuẩn bị cho khởi nghĩa sôi nổi trong khu căn cứ.

+ Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Bức thư nêu rõ: “Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”

+ Cuối năm 1944, ở Cao-Bắc-Lạng, cấp ủy địa phương gấp rút chuẩn bị phát động chiến tranh du kích trong phạm vi ba tỉnh. Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, xác định nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động và

phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang. Bản Chỉ thị này có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt của Đảng.

+ Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời ở Cao Bằng.

-Ngoài nước:

+ Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến về phía Berlin (Đức)

+ Ở Tây Âu, Anh-Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp (2-1945) rồi tiến về phía Tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng.

+ Ở mặt trận Thái Bình Dương, quân Anh đánh vào Miến Điện, Quân Mỹ đổ bộ lên Philippin. Đường biển đến các căn cứ ở Đông Nam Á bị quân Đồng minh khống chế, nên Nhật phải giữ con đường duy nhất từ Mãn Châu qua Đông Dương xuống Đông Nam Á.

+ Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị, chờ quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ khôi phục lại quyền thống trị của Pháp. “Cả hai quân thù Nhật-Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mà chết, quyết liệt cùng nhau”

+ Ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị

=>Dự đoán đúng tình hình, ngay trước lúc Nhật nổ súng lật đổ Pháp, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) để phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

2.Nội dung:

Dự đoán đúng tình hình, ngay trước lúc Nhật nổ súng lật đổ Pháp, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) để phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

*Chỉ thị Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (12/3/1945):

- Bản chất hành động của phát xít Nhật: Đảo chính
- Nhận định:khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương, điều kiện khởi nghĩa chưa thật sự chín muồi.
- Kẻ thù trước mắt: phát xít Nhật
- Khẩu hiệu đấu tranh: Đnhs đuổi Phát xít Nhật, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương
- Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước để làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa.
- Phương châm đấu tranh: tiến hành khởi nghĩa toàn phần, tiến tới tổng khởi nghĩa.

=>Dự kiến thời cơ khởi nghĩa

+ Bản chỉ thị ngày 12-3-1945 thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945

+ Chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần nổ ra ở vùng thượng du và trung du Bắc kỳ.

+Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang...

+Khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) thắng lợi, đội du kích Ba Tơ được thành lập và xây dựng căn cứ Ba Tơ.

+ Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức ủy ban giải phóng Việt Nam.

+Ngày 15-5-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, phát triển lực lượng bán vũ trang và xây dựng bảy chiến khu trong cả nước.

+Tháng 5-1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang), chỉ thị gấp rút chuẩn bị đại hội quốc dân, thành lập “khu giải phóng”. Ngày 4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc Bắc Giang

+Trong các đô thị, nhất là những thành phố lớn, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, tạo điều kiện phát triển các tổ chức cứu quốc trong các tầng lớp nhân dân thành thị và xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc

+ Ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã “thổi bùng ngọn lửa căm thù trong đông đảo nhân dân và phát động quần chúng vùng dậy với khí thế cách mạng hùng hực tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền”.

+ Báo chí cách mạng của Đảng và mặt trận Việt Minh đều ra công khai, gây ảnh hưởng chính trị vang dội

- Ý nghĩa của Chỉ thị:

+Thực chất của cao trào kháng Nhật cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện.

+Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa

+Bản chỉ thị ngày 12/3/1945 thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết kịp thời của Đảng

+Kim chỉ nan cho hành động, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của CMT8/1945

+Từ tháng 3/1945 cao trào kháng Nhật sôi nổi

3.Vận dụng, liên hệ thực tiễn:

- Về chỉ đạo chiến lược: Đảng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn Việt Nam, nắm bắt diễn biến tình hình thế giới và trong nước để thay đổi chủ trương cho phù hợp; giải quyết đúng mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- Về xây dựng lực lượng: Tập hợp, tổ chức đoàn kết lực lượng cách mạng trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tạo nên sức mạnh toàn dân, phân hoá và cô lập cao độ kẻ đế quốc và tay sai để đánh đổ chúng.
- Về phương pháp cách mạng: Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ ở nông thôn, tiến lên chớp đúng thời cơ tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, đập tan bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng.
- Về xây dựng Đảng: Luôn kết hợp giữa tổ chức và đấu tranh, làm cho đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đủ năng lực và uy tín lãnh đạo cách mạng thành công.

Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945

CHỦ ĐỀ 8 : Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

1. Tính Chất

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là “một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chất dân chủ mới. Nó là một bộ phận khăng khít của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam” . “Cách mạng Tháng Tám Việt Nam là một cuộc cách mạng giải

phóng dân tộc. Mục đích của nó là làm cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách đế quốc, làm cho nước Việt Nam thành một nước độc lập tự do” .

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình, thể hiện:

Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai; đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.

Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, đoàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần chúng mang tên “cứu quốc”, động viên đến mức cao nhất mọi lực lượng dân tộc lên trận địa cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.

Thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc” theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hoà dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc, “còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều thấy được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy” .

Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít. “Nó chống lại phát xít Nhật và bọn tay sai phản động, và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phát xít xâm lược” .

Cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc. Do Cách mạng Tháng Tám, một phần ruộng đất của đế quốc và Việt gian đã bị tịch thu, địa tô được tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu được xoá bỏ.

Cuộc cách mạng đã xây dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

Cách mạng Tháng Tám “chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng”, “chưa xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xoá bỏ

những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ. Chính vì thế Cách mạng Tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất đó chưa được đầy đủ và sâu sắc”.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng còn mang đậm tính nhân văn, hoàn thành một bước hết sức cơ bản trong sự nghiệp giải phóng con người ở Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

Kinh nghiệm

Cách mạng Tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu.

Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược, phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

Thứ hai, về xây dựng lực lượng'. Trên CO' sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Theo cách dùng từ của V.I.Lênin trong tác phẩm Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết, thì đó chính là một '7ó /i/*ỡ khởi nghĩa dân tộc'y.

Thứ ba, về phương pháp cách mạng'. Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp

đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn

quốc.

Thứ tư, về xây dựng Đảng. Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn; xây dựng một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng và với đội ngũ cán bộ đảng viên kiên cường được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng.

Chú trọng vai trò lãnh đạo ở cấp chiến lược của Trung ương Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đảng bộ các địa phương.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hoá của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Suốt 15 năm đấu tranh cách mạng 1930-1945, Đảng đã lãnh đạo giai cấp và dân tộc hoàn thành mục tiêu giành độc lập, thiết lập nhà nước dân chủ nhân dân.

2. Liên hệ , vận dụng

Ngày nay, trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, thì việc vận dụng và phát huy những bài học của Cách mạng Tháng Tám càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

- Một là, cần nhạy bén nắm bắt tình hình thế giới, khu vực để kịp thời đề ra chính sách đúng đắn và phù hợp.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, chúng ta cần tiếp tục phát huy những kinh nghiệm và bài học quý báu của Cách mạng Tháng Tám, cần có sự nhạy bén trong nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi nhanh chóng của tình hình thế giới, khu vực. Các quyết sách liên quan đến an ninh và phát triển của đất nước phải luôn bám sát các quan điểm, đường lối của Đảng, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, thực hiện theo phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến", kịp thời, linh hoạt trong giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quan hệ quốc tế, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề an ninh chung, vì hòa bình hợp tác và phát triển; đồng thời thực hiện kế sách bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa".

- Hai là, không ngừng mở rộng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

Đi cùng với những giá trị có ý nghĩa sâu sắc của nền độc lập, tự do, Cách mạng Tháng Tám đã đưa lại cho nhân dân ta từ thân phận nô lệ, làm than trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Phát huy giá trị đó, ngay sau ngày thành lập nước, một trong những công việc quan trọng đầu tiên đã được Hội đồng Chính phủ lâm thời thực hiện là tổ chức cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu và xây dựng một Hiến pháp dân chủ cho đất nước. Đây là lần đầu tiên, danh hiệu công dân cao quý của một nhà nước độc lập ra đời và được ghi nhận trang trọng trong Hiến pháp. Kể từ đó đến nay, các bản Hiến pháp của Nhà nước ta, đặc biệt là Hiến pháp năm 2013 luôn thể hiện xuyên suốt việc đề cao các quyền con người, quyền công dân, khẳng định vai trò làm chủ của nhân dân trong mọi mặt của đời sống xã hội.

- Ba là, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội chăm lo ngày càng tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Độc lập, tự do, dân chủ là những giá trị cao quý mà Cách mạng Tháng Tám đã đem lại cho dân tộc ta, nhân dân ta. Nhưng giá trị độc lập, tự do, dân chủ ấy chỉ có ý nghĩa đầy đủ, khi đi cùng là cuộc sống của nhân dân ngày một thêm ấm no, hạnh phúc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì". Thấu hiểu nguyện vọng thiết tha,

chính đáng đó, phát huy giá trị của Cách mạng Tháng Tám, suốt 75 năm qua Đảng ta không ngừng quan tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Từ một nước nghèo, kém phát triển, đến nay, Việt Nam đang nằm trong danh sách nhóm nước có thu nhập trung bình của thế giới và phấn đấu đạt mức nhóm nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2025.

- Bốn là, đẩy mạnh mặt trận ngoại giao, tích cực chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước

Trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam "là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế". Hội nhập quốc tế cần được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền; bình đẳng cùng có lợi; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; giữ vững nguyên tắc vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Trong quá trình hội nhập quốc tế, chúng ta cũng sẽ tiếp tục phải đối mặt với không ít thách thức, song nếu nắm vững học thuyết của Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa tư bản nhà nước, nắm vững chủ trương đường lối đối mới của Đảng đã đề ra, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, chúng ta có thể biến "nguy" thành "cơ", vừa thúc đẩy nền kinh tế phát triển, vừa bảo đảm tốt môi trường an ninh đất nước.

- Năm là, ra sức xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

Bên cạnh những giá trị dân tộc, giá trị thời đại, Cách mạng Tháng Tám thành công còn là thực tiễn sinh động, minh chứng hùng hồn cho bản lĩnh, trí tuệ, năng lực lãnh đạo cách mạng và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam. Khẳng định sự đúng đắn của đường lối cách mạng mà Đảng ta xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; thể hiện năng lực quy tụ lực lượng của toàn dân tộc; năng lực dự báo chính xác, nắm bắt đúng thời cơ; kịp thời phát động toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

Phát huy tinh thần của Cách mạng Tháng Tám, ngày nay, Đảng ta đang tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ra sức khắc phục những khuyết điểm trong đảng như sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống một bộ cán bộ, đảng viên, tình trạng buông lỏng kỷ luật, nội bộ thiếu sự đoàn kết; chất lượng sinh hoạt Đảng giảm sút. Khắc phục sự yếu kém trong công tác tư tưởng, công tác lý luận, sự bất cập trong công tác tổ chức, cán bộ...

Tiếp nối sự nghiệp lãnh đạo cách mạng, phát huy giá trị Cách mạng Tháng Tám lên một tầm cao mới, hiện nay và trong thời gian tới, toàn Đảng sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Qua đó, tạo sự đồng thuận, thống nhất về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, sớm hoàn thành mục tiêu "xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như mong muốn của Bác Hồ.

9. CHỦ ĐỀ. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ (1945-1946). (HD: *Giáo trình, Chương 2, I/1. Xây dựng bạo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946/ Tình hình Việt Nam sau CMT8/1945 từ tr. 61 đến tr. 65*)

1. Nội dung

Hoàn cảnh lịch sử

Sau ngày tuyên bố độc lập, lịch sử đảng Việt Nam bước sang một giai đoạn mới với nhiều thuận lợi cơ bản và khó khăn chồng chất

Thuận lợi là về quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ II, cục diện khu vực và thế giới có thay đổi lớn có lợi cho cách mạng Việt Nam. Liên xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nước ở Đông trung Âu được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ Nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa Châu Á, châu phi và khu vực Milatinh dâng cao.

Thuận lợi ở trong nước là Việt Nam trở thành Quốc gia độc lập, tự do; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, bị áp bức trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới. Đảng

cộng sản trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong nước. đặc biệt việc hình thành hệ thống chính quyền cách mạng với bộ máy thống nhất từ cấp trung ương đến cơ sở, ra sức phục vụ lợi ích của Tổ Quốc nói nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành biểu tượng của nền độc lập tự do, là trung tâm của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam. Quân đội quốc gia và lực lượng công an; luật pháp của chính quyền cách mạng được khẩn trương xây dựng và phát huy vai trò đối với cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài xây dựng chế độ mới. Khó khăn là trên thế giới phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thực địa thế giới”, ra sức tấn công đàn áp phong trào cách mạng thế giới trong đó có cách mạng Việt Nam. . Do lợi ích cục bộ của mình, các nước lớn, không có nước nào ủng hộ lập trường độc lập và công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, bị bao vây cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Cách mạng ba nước Đông Dương nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng phải đương đầu với nhiều bất lợi, khó khăn, thử thách hết sức to lớn và rất nghiêm trọng.

Khó khăn ở trong nước là hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa, 50% ruộng đất bị bỏ hoang; nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ, nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 làm 2 triệu người dân chết đói. Thách thức lớn nhất, nghiêm trọng nhất lúc này là âm mưu, hành động quay trở lại thống trị Việt Nam một lần nữa của thực dân Pháp. Ngày 2-9-1945, quân Pháp đã trắng trợn gây hấn, bắn vào cuộc mít tinh mừng ngày độc lập của nhân dân ta ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

Từ tháng 9-1945, theo thỏa thuận của phe Đồng minh, 2 vạn quân đội Anh- Ấn đổ bộ vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thua trận ở phía Nam Việt Nam. Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ, sử dụng đội quân Nhật giúp sức quân Pháp ngang

nhiên nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Nam Bộ) vào rạng sáng ngày 23-9-1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Ở Bắc vĩ tuyến 16, theo thỏa thuận Hiệp ước Potsdam (Đức), từ cuối tháng 8-1945, hơn 20 vạn quân đội của Tưởng Giới Thạch (Trung Hoa dân quốc) tràn qua biên giới kéo vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ với danh nghĩa quân đội Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thâm độc “diệt Cộng, cầm Hồ”, phá Việt Minh. Trong khi đó, trên đất nước Việt Nam vẫn còn 6 vạn quân đội Nhật Hoàng thua trận chưa được giải giáp.

Tình hình đó đã đặt nền độc lập và chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam trước tình thế “như ngàn cân treo sợi tóc”, cùng một lúc phải đối phó với nạn đói, nạn dốt và bọn thù trong, giặc ngoài.

Nội dung chủ trương của Đảng: Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

Ngày 3-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay nhiệm vụ lớn trước mắt, là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, nhận định tình hình và định hướng con đường đi lên của cách mạng Việt Nam sau khi giành được chính quyền. Chỉ thị phân tích sâu sắc sự biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, nhất là tình hình Nam Bộ và xác định rõ: “kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”; nêu rõ mục tiêu của cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là “dân tộc giải phóng” và đề ra khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”; mọi hành động phải tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt “là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ’ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”.

Chỉ thị cũng đề ra nhiều biện pháp cụ thể giải quyết những khó khăn, phức tạp hiện thời của cách mạng Việt Nam, trong đó nêu rõ cần nhanh chóng xúc tiến bầu cử Quốc hội để đi đến thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; kiên định nguyên tắc độc lập

về chính trị; về ngoại giao phải đặc biệt chú ý “làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết”; đối với Tàu Tưởng nêu chủ trương “Hoa-Việt thân thiện”, đối với Pháp “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”, về tuyên truyền, hết sức kêu gọi đoàn kết chống chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược; “đặc biệt chống mọi mưu mô phá hoại chia rẽ của bọn Trótxkit, Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng ”

Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào lớn, các cuộc vận động, như: tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm với khẩu hiệu tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa; lập hũ gạo tiết kiệm, tổ chức Tuần lễ vàng, gây Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến v.v. Chính phủ bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ, thực hiện chính sách giảm tô 25%. Ngay năm đầu, sản xuất nông nghiệp có bước khởi sắc rõ rệt, việc sửa chữa đê điều được khuyến khích, tổ chức khuyến nông, tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian, đất hoang hóa chia cho nông dân nghèo. Sản xuất lương thực tăng lên rõ rệt, cả về diện tích và sản lượng hoa màu. Một số nhà máy, công xưởng, hầm mỏ được khuyến khích đầu tư khôi phục hoạt động trở lại. Ngân khố quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam. Đầu năm 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân được ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ, góp phần động viên kháng chiến ở Nam Bộ.

Chống giặc đốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ”, toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn đốt; vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ. Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt khai giảng năm học mới; thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội. Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng. Để khẳng định địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam, Đảng và Hồ Chí Minh đã chủ trương sớm tổ chức một cuộc bầu cử toàn quốc theo hình thức phổ thông đầu phiếu để bầu ra Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức. Ngày 6-1-1946, cả nước tham gia cuộc bầu cử và có hơn 89% số cử tri đã đi bỏ phiếu dân chủ lần đầu tiên, đồng bào Nam Bộ và một số nơi đi bỏ phiếu dưới làn đạn của giặc Pháp, nhưng tất cả đều thể hiện rõ tinh thần “mỗi lá phiếu là một viên đạn bắn vào quân thù”, làm thất bại âm mưu chia rẽ, lật đổ của các kẻ thù. Bầu cử thành công đã bầu ra 333 đại biểu Quốc hội đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên tại Nhà hát lớn Hà Nội vào ngày 2-3-1946 và lập ra Chính phủ chính thức, gồm 10 bộ và kiện toàn nhân sự bộ máy Chính phủ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Quốc hội đã nhất trí bầu Ban Thường trực Quốc hội do cụ Nguyễn Văn Tố làm Chủ tịch.

Ý nghĩa: bảo vệ nền độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng, xây dựng nền móng vững chắc cho một chế độ mới, chuẩn bị đầy đủ cho cuộc chiến toàn quốc sau đó.

II) Liên hệ, vận dụng.

Tập trung xây dựng phát huy tiềm lực của đất nước. Đó là kinh tế, quan sự, chính trị, văn hóa, khoa học công nghệ... để làm được điều đó, trước hết ta cần tập trung xây dựng hệ thống chính trị một cách trong sạch, vững mạnh, bản lĩnh, để triển khai, thực hiện đúng đắn đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước. Song song với đó, ta cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị các cấp. Đẩy mạnh cải cách để tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế xã hội, thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh”. Chúng ta cần vận dụng những bài học sâu sắc của Đảng nhằm không ngừng tăng cường sức mạnh quốc phòng, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh và đồng thời sẵn sàng đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của địch, bảo vệ Tổ Quốc trong mọi tình huống. Mục tiêu xây dựng nền quốc phòng đó là có tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại.

Chủ đề 10: Nội dung cơ bản đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (1946 - 1947)

Nguyên nhân:

Sau khi ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước (14-9-1946); Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Việt Nam tiếp tục tìm kiếm giải pháp hòa bình; nhưng thực dân Pháp liên tục bội ước buộc ta phải đứng dậy cầm vũ khí bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng.

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tiếp đó chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào các vùng tự do của ta ở Nam Trung bộ và Nam bộ, hậu thuẫn cho lực lượng phản động xúc tiến thành lập cái gọi là “Chính phủ Cộng hòa Nam kỳ” và triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương, bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh và Hàng Bún. Ngày 18-12-1946, đại diện Pháp ở Hà Nội đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp; giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, gìn giữ an ninh, trật tự của thành phố... Đến ngày 19-12-1946, thiện chí hòa bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã bị thực dân Pháp thẳng thừng cự tuyệt. Vì vậy, Đảng và nhân dân Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng; bảo vệ những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám vừa giành được.

Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại Hà Đông (Hà Nội) quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông (nay thuộc quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình hình, kịp thời đề ra chủ trương đối phó và quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ

không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do.

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng được thể hiện tập trung ở các văn kiện: Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc (25-11-1945), Chỉ thị Tình hình và chủ trương (3-3-1946), Chỉ thị Hòa để tiến (9-3-1946), Chỉ thị Toàn dân kháng chiến (12-12-1946); Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19-12-1946); Kháng chiến nhất định thắng lợi (8-1947)....

Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (1946 - 1947):

Nội dung cơ bản của đường lối là: Dựa trên sức mạnh toàn dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới...

Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, thực hiện: Mỗi người dân là một chiến sỹ, mỗi làng xóm là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận, trăm họ ai cũng là binh. Trong cuộc kháng chiến toàn dân, quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19 tháng 12 năm 1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định. Động viên và

phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi.

Kháng chiến về chính trị: thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền...

Kháng chiến về quân sự: Thực hiện vũ trang toàn dân, tiêu diệt địch, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến.

Kháng chiến về văn hóa: xóa bỏ văn hoá thực dân, xây dựng nền văn hóa theo 3 nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.

Kháng chiến về kinh tế: Thực hiện tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cung tự cấp

Kháng chiến lâu dài là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh.

Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính, là sự kế thừa tư tưởng chiến lược chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn của trong nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. Lấy độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố quan trọng hàng đầu.

Ý nghĩa:

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn

dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

CHỦ ĐỀ 11. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950 (HD: Giáo trình, Chương 2, I/2/ Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950, từ tr.73 đến tr. 77)

1. Nội dung:

- Hoàn cảnh lịch sử:

Thu Đông 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân, gồm cả ba lực lượng chủ lực lục quân, hải quân và không quân, hình thành ba mũi tiến công chính tiến lên vùng ATK Việt Bắc, trong đó có mũi thọc sâu, đột kích nhảy dù xuống trung tâm thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, hòng bắt gọn Chính phủ Hồ Chí Minh. Các mũi khác tiến theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng; một mũi tiến theo đường sông Hồng lên sông Lô, sông Gâm tiến công vào ATK Tuyên Quang, thọc sâu vào vùng ATK hàng trăm cây số, trải rộng trên địa bàn khắp 12 tỉnh Việt Bắc. Để đối phó với cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp.

- Nội dung chỉ đạo của Đảng:

+ Lập các chiến khu, Ủy ban kháng chiến, củng cố các tổ chức chính trị xã hội:

Trung ương Đảng quyết định chia cả nước thành các khu và sau này thành các chiến khu quân sự để phục vụ yêu cầu chỉ đạo cuộc kháng chiến. Các ủy ban kháng chiến hành chính được thành lập; các tổ chức chính trị, xã hội được củng cố nhằm tăng cường đoàn kết, tập hợp đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến

+ Đẩy mạnh phát triển Đảng viên mới:

Ngày 6-4-1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương, nhấn mạnh việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, đẩy

mạnh công tác ngoại giao và tăng cường công tác xây dựng Đảng với việc mở đợt phát triển đảng viên mới “Lớp tháng Tám”.

+ Xây dựng lực lượng bộ đội chính quy; trang bị vũ khí, xây dựng nhà xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí:

Cuối năm 1947, tổng số đảng viên toàn Đảng tăng lên đến hơn 70.000 người. Bộ đội chính quy phát triển lên hơn 12 vạn quân được biên chế thành 57 trung đoàn và 20 tiểu đoàn độc lập, bên cạnh đó lực lượng dân quân tự vệ đã phát triển lên hơn 1 triệu người. Trang bị vũ khí được cải thiện có khoảng 3 vạn khẩu súng, toàn quân có hơn 20 công xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí thô sơ.

+ Xây dựng lực lượng Công an được thống nhất trên toàn quốc

Lực lượng công an được thống nhất tổ chức trong toàn quốc và hoạt động cả trong vùng địch hậu và vùng tự do. Tổ chức của Nhà Công an Việt Nam được thiết lập theo hệ thống dọc đến cấp Khu, Ty, Quận, huyện, có sự phát triển mới cả về biên chế, tổ chức bộ máy, lý luận nghiệp vụ.

+ Kinh tế văn hóa xã hội: Duy trì phong trào tăng gia sản xuất; bình dân học vụ...

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp. Tìm hướng đi tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của lực lượng tiến bộ và nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến, đặt cơ quan đại diện ở Thái Lan, Miến Điện (nay là Myanmar), cử các đoàn đại biểu đi dự hội nghị quốc tế...

+ Để đối phó với cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp, trong đó nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta, vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự cho các chiến trường là phải ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặt đứt giao thông, bao vây không để địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân, đồng loạt

tấn công đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của chúng cả đường bộ và đường sông.

+ Đảng đã chỉ đạo quân dân vùng tạm bị chiếm đẩy mạnh kháng chiến, ra sức đánh phá chính quyền địch, diệt tề, trừ gian, trừng trị nhiều tên Việt gian tay sai đầu sỏ ngay trong sào huyệt của chúng. Đầu năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng Trung tướng Nguyễn Bình và 9 Thiếu tướng.

+ Từ năm 1948, tình hình quốc tế có những chuyển biến có lợi cho các lực lượng cách mạng và tác động tích cực đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Đặc biệt, ngày 1-10- 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời. Nước Pháp liên tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn phức tạp nảy sinh, thế chiến lược quân sự của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn..

+ Đảng đẩy mạnh kháng chiến toàn diện; kinh tế văn hóa xã hội được tăng cường..

Đảng chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn diện để làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp. Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, việc xây dựng thực lực kháng chiến được tăng cường

+ Hồ Chí Minh kêu gọi Thi đua ái quốc 11/6/1948; Hội nghị Văn hóa toàn quốc được tổ chức (7-1948) đã nhất trí thông qua đường lối, phương châm xây dựng nền văn hóa mới mang tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng. Tàn tích văn hóa thực dân, phong kiến từng bước được xóa bỏ, hình thành các giá trị văn hóa mới; công tác cải cách nền giáo dục quốc gia cũng thu được những kết quả tích cực.

+ Trên mặt trận ngoại giao được các nước XHCN đặt quan hệ và công nhận: NN Trung Quốc (18/1/1950), Liên Xô (30/1/1950)

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc, Liên Xô và sau đó lần lượt Chính phủ Trung Quốc (18-1- 1950), Liên Xô (30-1-1950) và các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu, Triều

Tiên (2- 1950) công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; ủng hộ, giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Với Lào và Campuchia, Đảng chủ trương “mở rộng mặt trận Lào-Miên”, thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu Việt-Miên- Lào để giúp bạn và cùng bạn chiến đấu. Từ cuối năm 1947, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã cử một số cán bộ chiến sĩ sang giúp lực lượng kháng chiến Lào, xây dựng các khu căn cứ kháng chiến ở vùng Hạ, Trung và Thượng Lào. Cán bộ Việt kiều ở Thái Lan đã giúp lực lượng yêu nước Campuchia thành lập ủy ban dân tộc giải phóng Khome; xây dựng vùng căn cứ ở Tây Bắc Campuchia

+ Tháng 11/1949, chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh tuyển quân, đến đầu năm 1950 lực lượng ta đã hơn địch

Tháng 11-1949, Hồ Chí Minh ký ban hành sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Trong quân đội có cuộc vận động “luyện quân lập công” và tiếp theo là phong trào thi đua “rèn cán, chỉnh quân”. Lực lượng ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) được phát triển nhanh chóng và trưởng thành về mọi mặt, số lượng bộ đội tăng lên 23 vạn người, trong đó có 40.000 đảng viên; số dân quân tự vệ và du kích lên đến 3 triệu người. Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta đã hơn hẳn địch, viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội

+ Lực lượng Công an Việt Nam được Đảng quan tâm chỉ đạo xây dựng theo đường lối Công an nhân dân và 6 lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tư cách người Công an cách mạng. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh và phát triển nhanh trong 2 năm 1948, 1949, kết nạp được hơn 50.000 đảng viên mới. Cuộc vận động “xây dựng chi bộ tự động công tác” đã góp phần phát triển rộng khắp và tôi luyện các cơ sở đảng. Tháng 2-1950, Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương tổng động viên, ra sắc lệnh huy động nhân lực, vật lực, tài lực của toàn dân để phục vụ đẩy mạnh công cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi lớn hơn. Từ cuối năm 1950, Đảng quyết định tạm ngừng phát triển Đảng để củng cố vì phát hiện ở nhiều nơi việc phát triển Đảng “quá nóng”, mắc sai lầm về tiêu chuẩn đảng viên. Trung ương Đảng đã ra chỉ thị uốn nắn, sửa chữa khắc phục một số khuyết điểm, sai lầm chủ quan nóng vội, muốn chuyển nhanh, chuyển mạnh sang tổng phản công; nhận thức lệch lạc trong động viên sức người, sức của vượt quá sức.

+ Trong vùng tạm bị chiếm, Đảng chỉ đạo tiếp tục phát triển mạnh chiến tranh du kích để “biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta”.

+ Từ cuối năm 1948 đầu năm 1949, Trung ương Đảng chủ trương tăng cường phối hợp chiến đấu với quân, dân Lào, Campuchia và Trung Quốc. Trực tiếp đưa bộ đội tham gia hỗ trợ quân giải phóng Trung Quốc trong chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn ở khu vực biên giới Việt-Trung...

+ Ngày 8-3-1949, Tổng thống Pháp Vincent Auriol ký với Bảo Đại Lệnh định về quan hệ Pháp-Việt.

+ Ngày 13-6-1949, Bảo Đại được Pháp đưa về Sài Gòn làm Quốc trưởng và ngày 1-7, Bảo Đại tuyên bố thành lập “Quốc gia Việt Nam”.

+ Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch quân sự lớn tấn công địch dọc biên giới Việt – Trung nhằm tiêu diệt sinh lực địch và mở rộng căn cứ Việt Bắc

□ Quá trình tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến vô cùng linh hoạt, sáng tạo, mềm dẻo phù hợp với tình hình lịch sử cụ thể.

- Ý nghĩa:

* Ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947:

- Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của ta giành được thắng lợi trong kháng chiến chống Pháp.

- Căn cứ Việt Bắc vẫn được giữ vững, bộ đội chủ lực ngày càng trưởng thành.

- Chiến thắng này đã chứng minh sự đúng đắn về đường lối kháng chiến lâu dài của Đảng.

- Làm thất bại âm mưu “Đánh nhanh thắng nhanh” buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

- Sau chiến thắng Việt Bắc, ta có thêm điều kiện để xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến toàn quốc, toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh.

- Thắng lợi trên mặt trận quân sự: Bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ kháng chiến

- Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến

* Ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950:

- Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Thắng lợi ấy là kết quả hợp thành từ nhiều nhân tố, nhưng sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn, sáng tạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ vai trò quyết định

- Cuộc chiến đấu anh dũng và quyết liệt của quân và dân ta diễn ra không nghỉ trong suốt 30 ngày đêm liên tục, từ ngày 16-9 đến 17-10-1950 và đã giành được thắng lợi to lớn, “đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây”.

- Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn

- Thắng lợi của Chiến dịch Biên Giới là thắng lợi hết sức to lớn, có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Sau bốn năm kháng chiến, đây là lần đầu tiên ta mở một chiến dịch tiến công lớn, đánh vào tuyến phòng thủ mạnh của địch, nhằm thực hiện những mục tiêu chiến lược quan trọng. Ta không chỉ tiêu diệt một khối sinh lực tinh nhuệ của địch, mà còn giải phóng một vùng đất đai rộng lớn có vị trí chiến lược trọng yếu; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, mở thông đường liên lạc với quốc tế và nối liền Việt Bắc với các vùng miền trong nước (đồng bằng Bắc Bộ và Liên khu 4)

- Thắng lợi của Chiến dịch Biên Giới mở ra một bước ngoặt chuyển cuộc kháng chiến của ta từ hình thái chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở trình độ cao hơn. Quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính đã thuộc về ta, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến; từ đó về sau, ta liên tục mở những chiến dịch tiến công lớn, đánh tiêu diệt với quy mô ngày càng cao.

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 đã làm phá sản kế hoạch quân sự, chính trị của thực dân Pháp: vòng vây biên giới bị đập tan, hành lang đông - tây bị chọc thủng,

các xứ tự trị bị phá vỡ, kế hoạch Rơ-ve cơ bản bị sụp đổ. Thất bại ở biên giới đã gây đảo lộn lớn đối với chiến lược, chiến thuật của Pháp, làm quân Pháp choáng váng, hốt hoảng bố trí lại lực lượng, thay đổi chiến thuật, thay đổi chỉ huy... Đây là thất bại chưa từng có trong chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp tính đến thời điểm lúc bấy giờ

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 đánh dấu một bước tiến nhảy vọt của Quân đội ta về nghệ thuật chiến dịch. Lần đầu tiên ta mở một chiến dịch quy mô lớn, đánh tập trung chính quy, hiệp đồng binh chủng với lực lượng gần ba vạn cán bộ, chiến sĩ, huy động hàng vạn dân công, tiến công vào một hệ thống phòng ngự mạnh của địch trên tuyến dài hàng trăm ki-lô-mét, đánh liên tục cả tháng

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 chứng tỏ trình độ chỉ huy và trình độ chiến thuật, kỹ thuật của bộ đội ta có bước trưởng thành vượt bậc; là nguồn động viên to lớn đối với quân và dân ta. Với thắng lợi vừa giành được, quân và dân ta càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào sức mạnh của chính mình và càng hăng hái quyết tâm đẩy mạnh kháng chiến

- Cùng với ý nghĩa to lớn đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta, Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia từng bước phát triển vững chắc, phối hợp nhịp nhàng với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam; đồng thời cổ vũ tinh thần chiến đấu và tăng thêm niềm tin cho các dân tộc đang đấu tranh vì độc lập, tự do, nhất là trong giai đoạn này đế quốc Mỹ đang mở cuộc chiến tranh xâm lược Bắc Triều Tiên.

CHỦ ĐỀ 12: Nội dung cơ bản Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam.
Hoàn cảnh lịch sử.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, tại xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 766.000 đảng viên toàn Đảng. Đại hội lần thứ hai của Đảng được tiến hành trong bối cảnh Liên Xô

lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng. Mỹ trở thành tên sen đầm quốc tế, tăng cường giúp đỡ Pháp can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Ở trong nước, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Cách mạng Lào và Campuchia cũng có những chuyển biến tích cực. Điều kiện lịch sử đó đặt ra cho Đảng Cộng sản Đông Dương các yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng phù hợp với mỗi nước ở Đông Dương để đưa kháng chiến đi đến thắng lợi.

Theo sáng kiến của những người cộng sản Việt Nam, được những người cộng sản Lào và Campuchia nhất trí tán thành, Đại hội quyết định: Do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Nội dung cơ bản Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam.

Sau Diễn văn khai mạc của Tôn Đức Thắng, Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Báo cáo Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội của Trường Chinh, Báo cáo về (tổ chức và Điều lệ Đảng của Lê Văn Lương...

Báo cáo chính trị đã tổng kết phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, dự báo những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau; rút ra bài học trong 21 năm hoạt động của Đảng. Báo cáo vạch rõ nhiệm vụ nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Đảng phải đề ra những chính sách và biện pháp tích cực tăng cường lực lượng vũ trang, củng cố các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh thi đua ái quốc, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường đoàn kết quốc tế; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng Lao động Việt Nam thành

“một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để” để lãnh đạo đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của của báo cáo được phản ánh trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam được Đại hội thông qua, gồm các nội dung quan trọng sau đây:

-Xác định tính chất của xã hội Việt Nam lúc này có 3 tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”. Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Đối tượng đấu tranh chính của Việt Nam hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, và phong kiến phản động.

- Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được xác định là: “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”. Nhưng nhiệm vụ đó có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng nhiệm vụ chính lúc này là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

- Động lực của cách mạng Việt Nam được xác định gồm có bốn giai cấp là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân sĩ (thân hào, địa chủ) yêu nước và tiên bộ. Trong đó lấy nền tảng là giai cấp công, giai cấp nông và lao động trí óc; giai cấp công nhân đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Chính cương cũng nêu ra triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nên nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là quá trình lâu dài, có các giai đoạn phát triển tương ứng với những nhiệm vụ trung tâm, đó là: hoàn thành giải phóng dân tộc; xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến thực hiện triệt để người cày có ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; tiến tới xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Nội dung của Chính cương còn nêu ra 15 chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn hiện tại nhằm tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, làm tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương, 71 điều, trong đó xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng là phân đấu “để phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số Việt Nam”, Điều lệ Đảng cũng nêu ra những quy định về đảng viên, về nền tảng tư tưởng của Đảng, nguyên tắc hoạt động của Đảng Lao động Việt Nam và nhấn mạnh: “trong giai đoạn này quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành đã bầu Bộ Chính trị gồm 7 ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết và Ban Bí thư. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí Thư.

Đại hội II thành công là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt, là “Đại hội kháng chiến kiến quốc”, “thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao

động Việt Nam” Tuy nhiên, Đại hội cũng có hạn chế, khuyết điểm về nhận thức là mắc vào tư tưởng “tả” khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc, đưa cả lý luận Xtalin, tưởng Mao Trạch Đông vào làm “nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng”. Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt .

Nhằm làm thất bại kế hoạch Đờ Lát Đờ Tátxinhi (Jean de Lattre de Tassigny), từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự có quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện phát triển cuộc chiến tranh du kích vùng sau lưng địch. Tiếp đó ta mở Chiến dịch Hòa Bình (12-1951) và Chiến dịch Tây Bắc Thu Đông 1952, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một phần vùng Tây Bắc, phá âm mưu lập “Xứ Thái tự trị” của thực dân Pháp. Trên chiến trường Liên khu V, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, Bắc Quảng Nam, Khánh Hòa, Nam Bình Thuận... Trên địa bàn Nam Bộ, theo chỉ đạo của Xứ ủy, lực lượng vũ trang được tổ chức và sắp xếp lại cho phù hợp với nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích. Quân và dân Nam Bộ tích cực tiến công địch bằng các hình thức tập kích, phục kích, đánh đặc công, tiêu biểu là trận đánh vào khu hậu cần của Pháp ở Phú Thọ (Sài Gòn), ngày 8-5-1952, đốt cháy hơn 3 triệu lít xăng, phá hủy hơn 1.000 quả bom và diệt gọn một đại đội quân Pháp... Phát huy thắng lợi của các chiến dịch quân sự trong nước, Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào (gồm tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng), giúp Chính phủ kháng chiến Lào giải phóng thêm đất đai và mở rộng khu căn cứ địa, phá thế bố trí chiến lược của thực dân Pháp ở Bắc Đông Dương.

Ý nghĩa Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2-1951).

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh việc chăm lo phát triển thực lực, củng cố và tăng cường sức mạnh hậu phương kháng chiến. Tháng 4-1952, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba của Đảng đề ra những quyết sách lớn về công tác “chính Đảng, chính quân”, xác định đó là nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, xây dựng quân đội giai đoạn này. Cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, khắc phục khó khăn, hăng hái lao động,

tăng gia sản xuất đã tự túc một phần lương thực, thực phẩm; bảo đảm đạn dược, thuốc men, quân trang, quân dụng cung cấp đủ cho bộ đội. Chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính, xây dựng ngành thương nghiệp, ngân hàng: thực hiện từng bước chính sách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, chính sách địa tô. Các mặt văn hóa, y tế, giáo dục, xây dựng nếp sống mới, củng cố mặt trận dân tộc thống nhất cũng được phát triển và đạt được nhiều thành tựu mới...

Câu 13: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965.

Hoàn cảnh lịch sử: Giữa lúc cách mạng hai miền Nam- Bắc giành được những thắng lợi to lớn . Từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960 Đảng lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tại thủ đô Hà Nội.

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà

Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Về mục tiêu chiến lược chung, Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Về hòa bình thống nhất Tổ quốc, Đại hội chủ trương (hay phương châm) kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Về triển vọng của cách mạng, Đại hội nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản

xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, hai mặt này có quan hệ mật thiết, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cùng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận điểm đó, Đại hội đã đề ra đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Để thực hiện mục tiêu nói trên, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Tuy vẫn còn một số hạn chế trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; song thành công cơ bản, to lớn nhất của Đại hội lần thứ III của Đảng là đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ

hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Đó chính là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam vừa phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã phát huy và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc, do đó tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đặt trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế, đường lối chung của Đảng còn là sự thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.

Ý nghĩa đại hội: Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

CHỦ ĐỀ 14. Nội dung cơ bản và hiệu quả của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Hoàn cảnh lịch sử : Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, để cứu vãn cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới, ngăn chặn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, chính quyền của Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson quyết định đưa quân viễn chinh tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam làm tương quan lực lượng có sự thay đổi. Ngày 8-3-1965, quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng trực tiếp tham chiến ở miền Nam, Việt Nam. Đồng thời đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu

miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam. Chiến tranh lan rộng cả nước đã đặt vận mệnh của dân tộc ta trước những thách thức nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc

- Nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12-1965):

+ Quyết tâm chiến lược: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, cuộc chiến tranh trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường; cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. Cuộc chiến tranh đó được đề ra trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược; Mỹ không thể nào cứu vãn được tình thế nguy khốn, bế tắc của chúng ở miền Nam. Từ sự phân tích và nhận định trên, Trung ương khẳng định chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

+ Mục tiêu chiến lược: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

+ Phương châm chiến lược: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh; cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

+ Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân

sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

+ Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

+ Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là thành quả chung rất to lớn của nhân dân cả nước ta, là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quốc phòng, nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam, đồng thời, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát huy vai trò đắc lực của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau. Đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, thì bất kỳ chúng đặt chân ở đâu trên đất nước Việt Nam, mọi người Việt Nam đều có nghĩa vụ tiêu diệt chúng. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

- Ý nghĩa : Thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng của Đảng và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong hoàn cảnh mới, cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi vẻ vang

CHƯƠNG 3:

CHỦ ĐỀ 15: Hoàn thành thống nhất về mặt Nhà nước (HD: Giáo trình, Chương 3, I/1. Hoàn thành thống nhất về mặt Nhà nước, từ tr.117 đến tr.119)

Trả lời

I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

Hoàn cảnh lịch sử của thời kỳ sau năm 1975 là đất nước đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước có nhiều thuận lợi với sức mạnh tổng hợp, đồng thời cũng phải khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh. Điểm xuất phát của Việt Nam về kinh tế- xã hội còn ở trình độ thấp. Điều kiện quốc tế có thuận lợi đồng thời có xuất hiện những khó khăn thách thức mới. Các nước xã hội chủ nghĩa bộc lộ những khó khăn về kinh tế - xã hội và sự phát triển; các thế lực thù địch bao vây cấm vận và phá hoại sự phát triển của Việt Nam.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện bước

quá độ này, rất nhiều nhiệm vụ được Đảng đặt ra nhưng nhiệm vụ đầu tiên, hữu thiết nhất là lãnh đạo thống nhất nước về mặt nhà nước. Cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền là Chính Phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam, Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng

phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, ngày 27-10-1973, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đặc biệt để bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nước về mặt nhà nước. Hội nghị cử đoàn đại biểu miền Bắc gồm 25 thành viên do đồng chí Trường Chinh làm trưởng đoàn để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Nam.

Ngày 5 và 6-11-1975, tại Sài Gòn, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hội đồng cố vấn Chính phủ và đại biểu các nhân sĩ, trí thức đã họp hội nghị liên tịch và cử đoàn đại biểu miền Nam gồm 23 thành viên do đồng chí Phạm Hùng dẫn đầu để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Bắc.

Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc, Nam đã họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được thống nhất về một nhà nước. Tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

Thực hiện chủ trương đó, dưới sự chỉ đạo của Đảng, ngày 15-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành. Hơn 13 triệu cử tri, đạt tỉ lệ 98,77% tổng số cử tri đi bầu, đã bầu ra 492 đại biểu gồm đủ các thành phần công nhân, nông dân, trí thức, các lực lượng vũ trang, các đại biểu tầng lớp thanh niên, phụ nữ, đại biểu các dân tộc ít người và các tôn giáo... trên cả nước. Thắng lợi của công việc bầu cử thể hiện ý chí đoàn kết toàn dân tộc quyết tâm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội và Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội đã và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.

Theo chủ trương của Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội đều được thống nhất cả nước với tên gọi mới: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,...

Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở để thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1,008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khẳng định thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có ý nghĩa quốc tế quan trọng, có tính thời đại sâu sắc,

Đại hội đã phân tích tình hình thế giới, trong nước và nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: “Một là, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Hai là, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra’, Ba là, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt”.

Ba đặc điểm chỉ ra, Việt Nam có đủ điều kiện đi lên và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nhưng đó là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải phát huy cao độ tính chủ động, tự giác, sáng tạo trong quá trình cách mạng. Trong ba đặc điểm trên, đặc điểm đầu tiên là lớn nhất, quy định nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học-kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc

Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của

nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”. Trong đường lối chung thể hiện nhận thức mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở nước ta gồm 4 đặc trưng cơ bản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn, nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; coi chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá (1976-1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể; coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội lần thứ IV của Đảng còn bộc lộ một số hạn chế như: Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, vừa làm nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Trong điều kiện đó không thể áp dụng đầy đủ các quy luật kinh tế, không thể hạch toán kinh tế mà tất yếu phải thực hành chính sách bao cấp để đáp ứng yêu cầu tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong điều kiện đó, chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh. Việc dự kiến thời gian hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế của đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ

quá độ; việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế... là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều lần, tập trung chủ yếu vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và phân phối lưu thông,

| Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) được là bước đột phá đầu tiên đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho sản xuất bung ra". Theo đó, Hội đồng Chính phủ ra quyết định (10-1979) về việc tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hóa được miễn thuế, trả thù lao và được sử dụng toàn bộ sản phẩm; quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường,

Trước hiện tượng “khoán chui” trong hợp tác xã nông nghiệp ở một số địa phương, sau khi tổ chức thí điểm, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Theo Chỉ thị, mỗi xã viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình làm các khâu, cây, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Thu hoạch vượt mức khoán

sẽ được hưởng và tự do mua bán, Chủ trương đó được nông dân cả nước ủng hộ, nhanh chóng thành phong trào quần chúng sâu rộng. Sản lượng lương thực bình quân từ 13,4 triệu tấn/năm thời kỳ 1976-1980 tăng lên 17 triệu tấn/năm thời kỳ 1981-1985; những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể.

Trong lĩnh vực công nghiệp, trước các hiện tượng “xé rào” bù giá vào lương ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP (I1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước. Những chủ trương trên đã tạo nên động lực giới, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.

Tháng 9-1980, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ đạo thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyết định những biện pháp bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp sau khi được Quốc hội thông qua,

Sau 30 năm chiến đấu liên tục để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là hoà bình, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ để xây dựng đất nước. Song chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chống phá, buộc Việt Nam phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Việt Nam, Lào và Campuchia là ba nước láng giềng cùng trên bán đảo Đông Dương, cùng dòng sông Mê Công, cũng kẻ thù chung là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược từ cuối thế kỷ XIX cho đến năm 1975. Đoàn kết ba nước Đông Dương đã trở thành truyền thống tốt đẹp, là quy luật phát triển của từng nước và của cả ba nước.

Từ tháng 4-1975, tập đoàn Pôn Pốt đã thi hành chính sách diệt chủng ở Campuchia và tăng cường chống Việt Nam. Ngày 3-5-1975, chúng cho quân đổ bộ chiếm Thổ Chu, Phú Quốc, sau đó tiến hành hàng ngàn vụ tấn công lấn chiếm đất đai, giết hại nhân dân Việt Nam trên toàn tuyến biên giới Tây Nam bằng những hình thức vô cùng dã man. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã nhiều lần đề nghị đàm phán ở bất cứ cấp nào, thời gian nào, ở mọi nơi để giải quyết xung đột những tập đoàn Pôn Pốt đều từ chối. Cuối tháng

12-1978, chính quyền Pôn Pốt huy động tổng lực tiến công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam với mục tiêu nhanh chóng tiến sâu vào nội địa Việt Nam.

Để bảo vệ độc lập và chủ quyền Tổ quốc, quân và dân Việt Nam đã đánh trả, tiến công đánh đuổi bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi. Thử theo yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, từ ngày 26-12-1978, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp và giúp đỡ Campuchia tổng tiến công, đến ngày 7-1-1979 giải phóng Phnôm Pênh, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Ngày 18-2-1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Theo Hiệp ước, quân đội Việt Nam có mặt ở Campuchia để giúp bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và hồi sinh đất nước. Hành động đó của Việt Nam là chính nghĩa và cũng xuất phát từ nhu cầu tự vệ chính đáng được ghi nhận trong Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc và đã được nhân dân Campuchia và thế giới ghi nhận.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng về chính trị, kinh tế, văn hóa, có quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong lịch sử cách mạng, hai Đảng và nhân dân hai nước đã đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau. Trong kháng chiến chống Pháp xâm lược và chống Mỹ, cứu nước (1945-1975), nhân dân Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ, giúp đỡ toàn diện, to lớn và quý báu. Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam luôn biết ơn về sự giúp đỡ quý báu đó.

Năm 1978, Trung Quốc tuyên bố rút chuyên gia, cắt viện trợ cho Việt Nam, liên tiếp lần chiếm dẫn đến xung đột trên tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam từ năm 1978 đã làm cho quan hệ Trung Quốc-Việt Nam xấu đi rõ rệt. Ngày 17-2-1979, Trung Quốc huy động hơn 60 vạn quân đồng loạt tấn công toàn tuyến biên giới nước ta từ Lai Châu đến Quảng Ninh, gây ra những thiệt hại rất nặng nề. Ngày 5-3-1979, Chủ tịch Tôn Đức Thắng ra lệnh Tổng động viên toàn quốc. Quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc, được nhân dân thế giới ủng hộ đã kiên cường chiến đấu bảo vệ đất nước. Ngày 5-3-1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân, nhưng chưa từ bỏ hoạt động chống phá trên tuyến biên giới, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của quân, dân ta vẫn diễn ra trong nhiều năm sau đó, đặc biệt là trên mặt trận Vị Xuyên, Hà Giang ngày 12-

7-1984. Từ ngày 18-4-1979 về sau, Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác, khôi phục hoà bình, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Đồng thời, quân dân cả nước cũng đấu tranh thắng lợi làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của lực lượng phản động FULRO vũ trang ở Tây Nguyên, lực lượng lưu vong vũ trang xâm nhập về nước, bảo vệ vững chắc mọi thành quả của cách mạng.

Sau 5 năm 1975-1981, quân dân cả nước đã giành được thành tựu thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh biên giới và đã khắc phục một phần hậu quả chiến tranh và thiên tai liên tiếp gây ra. Các tỉnh phía Nam đã cơ bản việc xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc, phong kiến. Ở miền Bắc, bước đầu có sự cải tiến đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn với các đội chuyên làm khoán, Tuy nhiên, kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra: lưu thông, phân phối rồi ren, giá cả tăng vọt, nhập khẩu tăng gấp 4-5 lần xuất khẩu. Đời sống của nhân dân, cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang rất khó khăn. Từ cuối năm 1979, ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng “xé rào”, “khoán chui”. Ở miền Nam, việc thí điểm hợp tác xã diễn ra phức tạp, lúng túng.

Những khó khăn trên có nguồn gốc sâu xa từ nền kinh tế thấp kém, thiên tai nặng nề liên tiếp xảy ra, chiến tranh biên giới và chính sách cấm vận, bao vây, cô lập của Mỹ và các thế lực thù địch. Tuy nhiên về chủ quan, do những khuyết điểm, sai lầm của Đảng, Nhà nước về lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn trên, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tự phê bình về những khuyết điểm và sai lầm của đó trước Đại hội V của Đảng.

CHỦ ĐỀ 16. Nội dung cơ bản và ý nghĩa đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) (HD: Giáo trình, Chương 3, II/1/Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội/Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện từ tr.129 đến tr.131)

1. Nội dung:

- Hoàn cảnh lịch sử:

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đang bị các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng kinh tế- xã hội. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm; lạm phát tăng 300% năm 1985 lên 774% năm 1986. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 2 triệu đảng viên cả nước và có đoàn đại biểu quốc tế đến dự. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng, khởi xướng đường lối toàn diện, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 124 ủy viên chính thức, bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức; bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng:

Đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội VI đề ra thể hiện trên các lĩnh vực nổi bật:

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986. Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm đó, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa “tả” khuynh vừa hữu khuynh. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng.

Đại hội rút ra bốn bài học quý báu:

+ Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

+ Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

+ Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

+ Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.

Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là:

- Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ.

- Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả các chính sách xã hội. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Đại hội VI nhấn mạnh: “Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng

mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”¹.

Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là:

- Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động.
- Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội.
- Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân
- . Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Đối ngoại góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

- Đánh giá các nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng

Trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng đắn tình hình của đất nước, Đại hội nghiêm khắc tự phê bình về những sai lầm, khuyết điểm. Đổi mới tư duy, nhận thức rõ hơn về những quy luật khách quan của thời kỳ quá độ, kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và những năm đầu khi nước nhà thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm từ thực tiễn, Đại hội đề ra đường lối đổi mới.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện ‘Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra’; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy động lực lượng của quần chúng.

Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các Văn kiện của Đại hội mang tính chất khoa học và cách mạng, tạo bước ngoặt cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, hạn chế của Đại hội VI là chưa tìm ra những giải pháp hiệu quả tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông.

2. Liên hệ, vận dụng

CHỦ ĐỀ 17. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH (Đại hội VII, 1991)

1) Hoàn cảnh lịch sử:

Đất nước sau hơn 4 năm đổi mới cơ bản ổn định nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế-xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho trên hai triệu đảng viên cả nước. Ngoài các văn kiện chính của một Đại hội Đảng điểm mới nổi bật của Đại hội VII là thông qua hai văn kiện quan trọng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược, ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000. Đại hội đã bầu 146 ủy viên Trung ương, Bộ Chính trị gồm 13 đồng chí, bầu đồng chí Đỗ Mười làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội VII khẳng định nền kinh tế bước đầu chuyển biến tích cực, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lạm phát năm 1988: 393,3%, năm 1990 còn 67,4%.

2) Nội dung cơ bản của cương lĩnh:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII thông qua (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) đã tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra năm bài học lớn. Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh đã trình bày xu thế phát triển của thế giới, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản là: “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Cương lĩnh nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội là: Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm. Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại. "Mục tiêu tổng quát phải đạt tới, khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh" .

Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

Đại hội VII lần đầu tiên thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000, trong đó xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế-xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược là: Phát triển kinh tế-xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Phát triển

nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp.

3) Ý nghĩa:

Tổng kết bài học bước đầu qua 5 năm đổi mới: Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Ba là, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội. Bốn là, tiếp tục phát huy sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp. Năm là, trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới.

Tại Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Đại hội VII của Đảng là “Đại hội của trí tuệ-đổi mới, dân chủ-kỷ cương-doàn kết” hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Theo chỉ đạo của Đảng, sau Đại hội toàn Đảng, toàn dân đã sôi nổi thảo luận và kỳ họp thứ 11 (4-1992), Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 1992

Đại hội VII tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và bước đầu triển khai thực hiện Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta co- bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.